

Số: /QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương lớp 8
sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông của tỉnh Quảng Ngãi**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 33/2020/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định việc thẩm định tài liệu giáo dục địa phương;

Căn cứ Tờ trình số 55/TTr-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi lớp 8, lớp 11;

Căn cứ Tờ trình số 113/TTr-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi lớp 8, lớp 11;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Tài liệu giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi lớp 8 sử dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chịu trách nhiệm về chất lượng và hiệu quả sử dụng tài liệu được phê duyệt tại Điều 1 trong quá trình triển khai Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Giáo dục Trung học, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Ủy ban Văn hoá, Giáo dục của Quốc hội (để báo cáo);
- Ban Tuyên giáo Trung ương (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Lưu: VT, Vụ GDTrH.

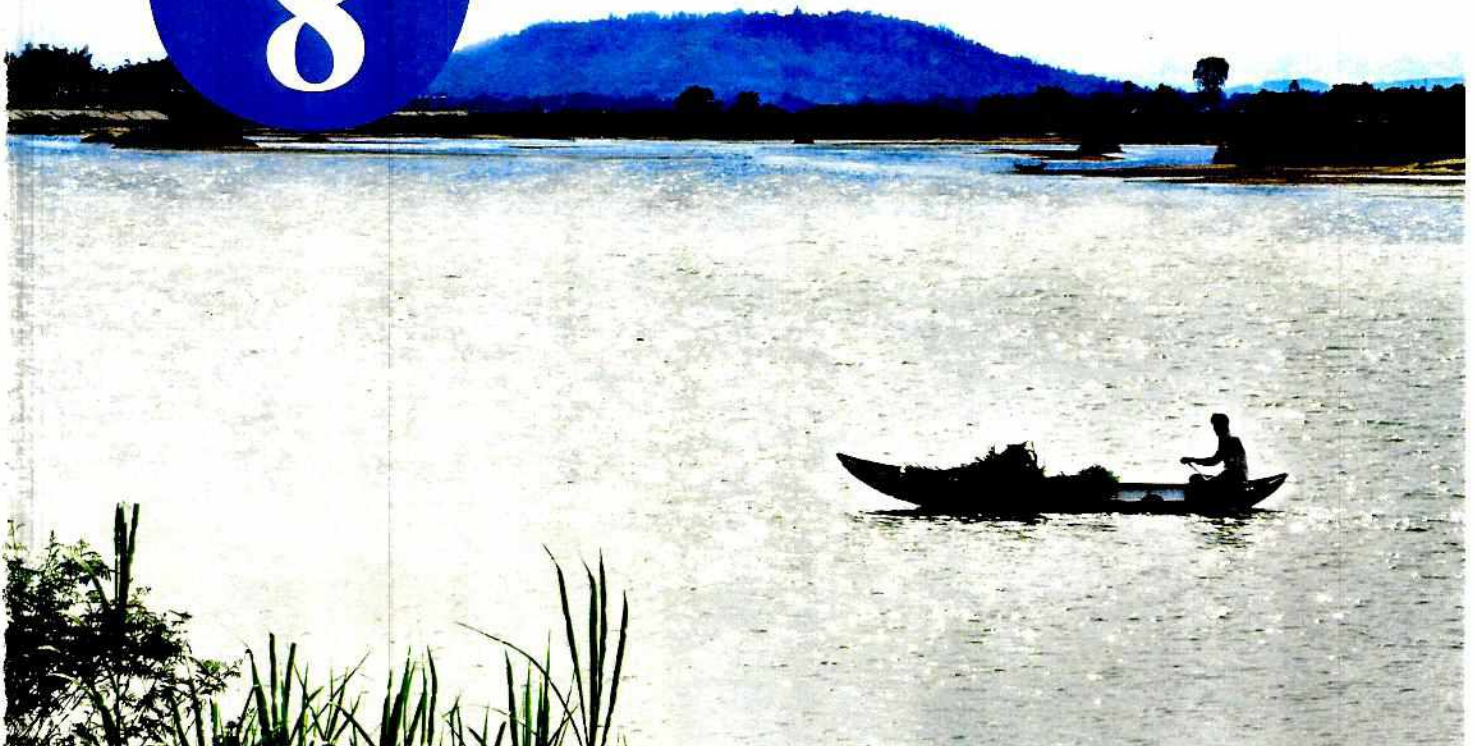
**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phạm Ngọc Thương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI

Lớp
8



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Nguyễn Ngọc Thái (Tổng Chủ biên), Vũ Thị Liên Hương (Chủ biên)
Nguyễn Thị Trâm Châu, Phan Đình Độ, Bùi Thị Hạnh, Huỳnh Nguyên Huy, Trương Thị Thu Hường,
Võ Thị Thuý Nga, Lê Hoàng Nguyên, Trần Thị Phúc Nguyên, Huỳnh Tấn Phiến, Nguyễn Đình Phúc,
Nguyễn Thanh Sơn, Huỳnh Trung Sơn, Nguyễn Văn Tươi, Lê Thị Nhật Thảo, Ngô Thị Phương Thảo,
Hà Tấn Thọ, Hà Như Thu, Nguyễn Thị Mỹ Thuận, Huỳnh Thị Thu Thủy, Nguyễn Thị Minh Thủy, Bùi Văn Vàng,
Nguyễn Minh Văn



TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG
TỈNH QUẢNG NGÃI

Lớp 8

Kí hiệu và hướng dẫn sử dụng sách



MỞ ĐẦU

Giới thiệu một số nội dung liên quan đến chủ đề, định hướng việc tổ chức các hoạt động học.



KIẾN THỨC MỚI

Giải thích, cung cấp thông tin liên quan đến nội dung chủ đề.



LUYỆN TẬP

Củng cố, ôn tập kiến thức trong chủ đề cho học sinh.



VẬN DỤNG

Vận dụng các kiến thức đã học để bày tỏ quan điểm của mình về nội dung qua nhiều hình thức: tham quan thực tế, trò chơi, nêu cảm nghĩ.

LỜI NÓI ĐẦU

Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Quảng Ngãi lớp 8 bao gồm 7 chủ đề thể hiện những nội dung cơ bản của văn hoá địa phương, gắn liền với các hoạt động trải nghiệm cụ thể.

Mục tiêu biên soạn của tài liệu này nhằm trang bị cho học sinh những vấn đề cơ bản hoặc thời sự về văn hoá, lịch sử, địa lí, kinh tế, xã hội, môi trường, hướng nghiệp,... giúp học sinh hiểu biết về nơi mình sinh sống, từ đó giáo dục cho học sinh về đạo đức, lối sống, bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước.

Tài liệu thiết kế theo từng chủ đề với cấu trúc *Mở đầu – Kiến thức mới – Luyện tập – Vận dụng* kết hợp với hình ảnh minh hoạ cụ thể, sống động, giúp học sinh dễ dàng tiếp cận nội dung cuốn tài liệu và thực hành các hoạt động một cách hào hứng, thoải mái, nắm bắt nhanh những thông điệp qua từng nội dung, hoạt động và vận dụng vào thực tế một cách tự nhiên, phù hợp, chính xác.

Ban biên soạn rất mong nhận được ý kiến đóng góp của quý thầy cô giáo, phụ huynh học sinh và bạn đọc để tài liệu đạt chất lượng tốt hơn trong lần tái bản sau.

Trân trọng cảm ơn!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Chủ đề	NỘI DUNG	Trang
1	Quảng Ngãi từ nửa cuối thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX	6
2	Một số phong tục, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc ở tỉnh Quảng Ngãi	16
3	Lễ hội và nghệ thuật truyền thống tiêu biểu ở Quảng Ngãi	27
4	Xây dựng văn hoá ứng xử cho học sinh trong trường học ở tỉnh Quảng Ngãi	35
5	Tài nguyên khoáng sản và tài nguyên rừng ở tỉnh Quảng Ngãi	42
6	Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi	47
7	Ô nhiễm môi trường ở tỉnh Quảng Ngãi	53

LƯỢC ĐỒ HÀNH CHÍNH TỈNH QUẢNG NGÃI



Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế - xã hội vùng đất Quảng Ngãi từ nửa cuối thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX.
- Trình bày được một số phong trào yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi từ thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX.
- Mô tả và nêu được những đóng góp của nhân dân Quảng Ngãi trong công cuộc thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
- Giáo dục lòng yêu nước, tự hào về truyền thống tốt đẹp của nhân dân Quảng Ngãi; nâng cao ý thức trong việc giữ gìn, bảo vệ và xây dựng quê hương.



MỞ ĐẦU

Từ nửa cuối thế kỉ XVI, khi chúa Nguyễn Hoàng vào trấn thủ đất Thuận Hoá⁽¹⁾, sau đó kiêm quản đất Quảng Nam, vùng đất Quảng Ngãi ngày càng ổn định và phát triển. Danh xưng Quảng Nghĩa lần đầu tiên xuất hiện vào đầu thế kỉ XVII (1602), sau đó đổi thành Quảng Ngãi và tồn tại cho đến ngày nay. Sau những đợt mộ dân từ phía Bắc vào, nối tiếp và phát huy truyền thống yêu nước của cha ông, ngay khi cuộc khởi nghĩa Tây Sơn nổ ra (thế kỉ XVIII), nhân dân Quảng Ngãi đã có nhiều đóng góp to lớn trong công cuộc thống nhất đất nước, chống giặc ngoại xâm, bảo vệ chủ quyền biển, đảo, gìn giữ nền độc lập dân tộc. Tiêu biểu trong thời kì này là những bậc hiền tài, trung nghĩa như Trần Quang Diệu, Lê Trung Đình, Nguyễn Bá Loan, Lê Đình Cẩn,...



1. Kể tên một vài nhân vật lịch sử tiêu biểu ở Quảng Ngãi giai đoạn nửa cuối thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX. Nêu một vài hiểu biết của em về nhân vật.
2. Từ nửa cuối thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX, nhân dân Quảng Ngãi đã có những đóng góp gì trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước?

⁽¹⁾ Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế

1. Những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế – xã hội của vùng đất Quảng Ngãi từ cuối thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX

a) Tình hình chính trị

Năm 1558, Nguyễn Hoàng nhận nhiệm vụ trấn thủ Thuận Hoá, về sau kiêm quản đất Quảng Nam. Năm 1602, chúa Nguyễn Hoàng đổi phủ Tư Nghĩa thành phủ Quảng Nghĩa. Như vậy, danh xưng Quảng Nghĩa (hay Ngãi) lần đầu tiên xuất hiện từ những năm đầu thế kỉ XVII.

Trải qua các thời kì, tên gọi vùng đất Quảng Ngãi có sự thay đổi. Năm 1832, tỉnh Quảng Ngãi được thành lập gồm một phủ Tư Nghĩa và 3 huyện Bình Sơn, Chương Nghĩa, Mộ Hoa. Riêng miền núi Quảng Ngãi có 4 nguồn là Thanh Bồng, Thanh Cù, Phụ An và An Ba (hiện nay là các huyện Trà Bồng, Sơn Hà, Sơn Tây, Minh Long và Ba Tơ).

Năm 1884 đến đầu thế kỉ XX, nước ta là thuộc địa của Pháp. Đơn vị hành chính của tỉnh Quảng Ngãi có sự thay đổi, hình thành thêm 3 huyện Sơn Tịnh, Nghĩa Hành, Đức Phổ (1899).

Từ thời các chúa Nguyễn cho đến nhà Nguyễn cai trị, Quảng Ngãi là địa phương làm nhiệm vụ quản lí các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa bằng các Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải.

b) Tình hình kinh tế – xã hội

Từ nửa cuối thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XVIII, chúa Nguyễn chú trọng việc khai hoang lập ấp, đẩy mạnh chính sách mộ dân từ phía Bắc vào khai khẩn vùng đất Quảng Ngãi, kinh tế phát triển, đời sống nhân dân được ổn định.

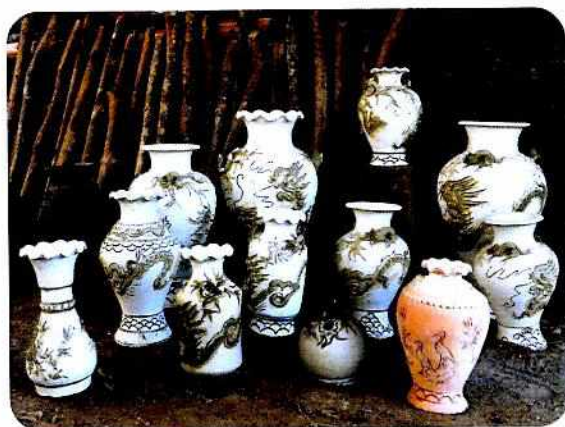
Đến giữa thế kỉ XVIII, chính quyền họ Nguyễn suy yếu, các cuộc nội chiến và chiến tranh kéo dài, tình hình kinh tế sa sút, đời sống nhân dân lâm vào cảnh khốn đốn, cơ cực.

Nửa đầu thế kỉ XIX, tình hình nông nghiệp hồi phục và phát triển hơn trước nhưng chủ yếu vẫn là nghề trồng lúa nước. Hệ thống thủy lợi có sự cải thiện.



Hình 1.1. Bờ xe nước ở sông Trà Khúc

Các nghề thủ công cũng có bước phát triển đáng kể và đã hình thành một số phường, bạn, làng nghề như: nghề gốm ở Mỹ Thiện (huyện Bình Sơn), nghề làm mạch nha ở Thi Phố⁽¹⁾ (huyện Mộ Đức), nghề đan chiếu ở Thu Xà (huyện Tư Nghĩa),...



Hình 1.2. Gốm Mỹ Thiện




Hình 1.3. Nghề làm mạch nha

Nghề khai thác lâm thổ sản, đánh bắt cá gần bờ, ven bờ cũng là một thế mạnh của kinh tế Quảng Ngãi lúc bấy giờ.

Việc buôn bán tấp nập, chợ mọc lên ngày càng nhiều. Một số thị tứ tiếp tục sôi động như: Thu Xà (huyện Tư Nghĩa), Ba Gia – Đồng Ké (huyện Sơn Tịnh), Thạch An (huyện Bình Sơn),... Cảng Thu Xà là nơi xuất nhập hàng hoá trong và ngoài tỉnh, thông qua tuyến đường biển đi Hội An (tỉnh Quảng Nam), Thị Nại (tỉnh Bình Định).

Thời kì này tình hình kinh tế có điều kiện phát triển nhưng do chính sách quản lí của nhà Nguyễn còn hạn chế, địa chủ chiếm đoạt ruộng đất, quan lại tham nhũng, tô thuế phu dịch nặng nề nên cuộc sống người dân cơ cực, xã hội nảy sinh nhiều mâu thuẫn, bùng nổ các cuộc nổi dậy chống lại nhà Nguyễn của nhân dân miền núi Quảng Ngãi,...

Dưới thời Pháp thuộc, tình hình kinh tế lâm vào khủng hoảng, đời sống nhân dân đói kém, lầm than. Mâu thuẫn giai cấp và mâu thuẫn dân tộc ngày càng sâu sắc dẫn đến các phong trào đấu tranh chống phong kiến và đế quốc của nhân dân Quảng Ngãi đã nổ ra, tiêu biểu là phong trào Cần vương (1885 – 1896), phong trào Duy tân và chống sưu thuế năm 1908.

 Nêu những nét chính về tình hình chính trị, kinh tế – xã hội ở Quảng Ngãi từ nửa cuối thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX.

⁽¹⁾ Nay là xã Đức Thạnh, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức, huyện Mộ Đức.

2. Một số phong trào đấu tranh tiêu biểu của nhân dân Quảng Ngãi từ thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX

a) Nhân dân Quảng Ngãi với phong trào Tây Sơn (thế kỉ XVIII)

Từ giữa thế kỉ XVIII, chính quyền họ Nguyễn ở Đàng Trong suy yếu, quan lại ra sức bóc lột, đời sống nhân dân rơi vào cảnh khốn cùng. Năm 1771, cuộc khởi nghĩa Tây Sơn nổ ra và lan rộng nhanh chóng.

Ở miền Tây Quảng Ngãi, các ông Đa Phát Rang (chủ động Cao Muôn, huyện Ba Tơ), Đa Phát Canh (chủ động Thạch Bích, huyện Sơn Hà), Đinh Trung (chủ động Cà Đam, huyện Trà Bồng) đã kêu gọi đồng bào các dân tộc ít người nổi dậy hưởng ứng cuộc khởi nghĩa, thiết lập các căn cứ kháng chiến ở vùng cao. Sau đó, phong trào lan rộng xuống vùng đồng bằng.

Nhiều bậc hiền tài xứ Quảng đã hướng về nghĩa quân Tây Sơn và lập nhiều chiến công xuất sắc trong việc xoá sổ tập đoàn phong kiến Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài, xoá bỏ ranh giới chia cắt đất nước, đặt nền tảng thống nhất quốc gia, đánh bại quân xâm lược Xiêm, Thanh. Có thể kể đến: Thái phó Trần Quang Diệu, Đô đốc Nguyễn Văn Huân, Đô đốc Trương Đăng Đồ, Đô đốc Nguyễn Thị Dung,...



Hình 1.4. Di tích Trần tộc từ đường Tú Sơn và miếu thờ Thất đại công thần Tây Sơn, ở xã Đức Lân, huyện Mộ Đức

Cùng với nhân dân phủ Quy Nhơn (nay là tỉnh Bình Định), nhân dân phủ Quảng Nghĩa (nay là tỉnh Quảng Ngãi) đã có nhiều đóng góp to lớn trong sự nghiệp của phong trào nông dân Tây Sơn và nhà Tây Sơn.



Nhân dân Quảng Ngãi đã có những đóng góp gì trong phong trào Tây Sơn cuối thế kỉ XVIII?

b) Nhân dân Quảng Ngãi với phong trào Cần vương (1885 - 1896)

Sau khi Dụ Cần vương được ban bố (13/7/1885), các sĩ phu và nhân dân Quảng Ngãi nhanh chóng hưởng ứng phong trào giúp vua cứu nước.

Phong trào Cần vương ở Quảng Ngãi diễn ra qua hai giai đoạn:

Giai đoạn từ năm 1885 đến năm 1888, phong trào đặt dưới sự lãnh đạo của Chánh quản Hương binh Lê Trung Đình cùng một số thủ lĩnh như Nguyễn Tự Tân, Nguyễn Bá Loan. Sau khi chiếm được tỉnh thành Quảng Ngãi (13/7/1885), Lê Trung Đình đã nhanh chóng tổ chức phòng thủ, phát động phong trào Cần vương ra toàn tỉnh, sẵn sàng ứng phó với quân xâm lược Pháp.

Ngày 17/7/1885, Nguyễn Thân⁽²⁾ đem quân đàn áp cuộc khởi nghĩa và đánh chiếm lại tỉnh thành Quảng Ngãi. Lê Trung Đình bị bắt và xử tử (ngày 23/7/1885). Lực lượng Cần vương do Nguyễn Bá Loan tiếp tục lãnh đạo, liên kết với lực lượng Cần vương ở Quảng Nam và Bình Định, mở nhiều trận tấn công quân Pháp và tay sai làm cho kẻ thù nhiều phen khốn đốn. Đầu năm 1887, Nguyễn Thân mở các cuộc đàn áp khốc liệt ở Quảng Ngãi, làm cho cuộc khởi nghĩa suy yếu dần rồi tan rã.

Giai đoạn từ năm 1888 đến năm 1896, phong trào yêu nước chống Pháp ở Quảng Ngãi nổi bật với cuộc vận động cứu nước của Trần Du (1895 – 1896). Với khẩu hiệu “Cứu quốc, hộ dân”, cuộc khởi nghĩa thu hút nhiều tầng lớp nhân dân tham gia, kể cả văn thân, quan lại, binh sĩ triều đình. Nghĩa quân bí mật liên lạc với nghĩa quân Phan Đình Phùng và mở rộng địa bàn đến các tỉnh Bình Định, Phú Yên. Cuộc vận động cứu nước của Trần Du đang trên đà phát triển thì bị địch phát hiện và đàn áp vào tháng 3/1896.

Quảng Ngãi là một trong những địa phương hưởng ứng Chiếu Cần vương sớm nhất trong cả nước và kết thúc gần như cùng lúc với sự chấm dứt của phong trào Cần vương trên toàn cõi Việt Nam. Tuy thất bại, nhưng phong trào Cần vương có ý nghĩa vô cùng to lớn, đã để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về xác định mục tiêu đấu tranh, tăng cường đoàn kết lực lượng,... và tạo đà thúc đẩy phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi về sau.



Hình 1.5. Lê Trung Đình
(1863 – 1885)



1. Nhân dân Quảng Ngãi đã hưởng ứng Chiếu Cần vương như thế nào? Từ đó, em có suy nghĩ gì về tinh thần chiến đấu của nhân dân Quảng Ngãi?
2. Nêu ý nghĩa của phong trào Cần vương tại Quảng Ngãi.

⁽²⁾ Nguyễn Thân giữ chức Tiểu phủ sứ Sơn phòng Nghĩa – Định (Quảng Ngãi – Bình Định)

c) Nhân dân Quảng Ngãi với phong trào Duy tân và chống sưu thuế năm 1908

Đầu thế kỉ XX, dưới tác động của phong trào dân tộc, dân chủ do Phan Bội Châu và Phan Chu Trinh khởi xướng, phong trào yêu nước ở Quảng Ngãi chuyển biến theo khuynh hướng dân chủ tư sản. Với tấm lòng kiên trung cứu nước, cứu dân, các sĩ phu yêu nước Quảng Ngãi như: Nguyễn Bá Loan, Lê Đình Cẩn, Lê Tựu Khiết (Lê Khiết), Lê Ngung, Trần Kỳ Phong,... đã thành lập tổ chức yêu nước “Hội Duy tân Quảng Ngãi” (1906).

Chủ trương của Hội là kết hợp đấu tranh cứu nước với duy tân, kết hợp xu hướng cải cách và bạo động. Hội tuyên truyền mở mang công thương nghiệp, phát triển sản xuất; vận động bỏ hủ tục phong kiến lạc hậu; cắt tóc ngắn; mở trường dạy chữ Quốc ngữ; đẩy mạnh việc sáng tác thơ ca để tuyên truyền vận động, đề cao ý thức “tự lập, tự cường, tự cứu lấy mình”.

Cuộc vận động Duy tân đã châm ngòi cho phong trào chống đi phu, chống sưu thuế ở Trung Kỳ (1908). Từ ngày 24/3/1908, phong trào kháng thuế cự sưu của nhân dân Quảng Ngãi diễn ra sôi sục, từng đoàn người khắp các phủ, huyện kéo về bao vây tỉnh thành, tham gia biểu tình ngày càng đông và quyết liệt. Dưới sự lãnh đạo của Hội Duy tân Quảng Ngãi, cuộc đấu tranh ngày càng phát triển trên quy mô lớn và chuyển sang hình thức bạo động, tiến hành các cuộc trừ gian diệt ác, lập nhà giam để bắt giữ tay sai của giặc. Đây là một trong những phong trào mạnh nhất ở Trung Kỳ nên thực dân Pháp đã thẳng tay đàn áp, phong trào tan rã (5/1908).

Em có biết?

Sau khi Lê Đình Cẩn sa lưới Pháp (1907), Nguyễn Bá Loan lãnh đạo Hội Duy tân ở Quảng Ngãi tiếp tục thực hiện phong trào “khất thuế, cự sưu” rầm rộ khắp 6 phủ, huyện. Tháng 4/1908, Nguyễn Bá Loan cùng nhiều thủ lĩnh của Hội Duy tân bị Pháp bắt và dùng cực hình tra tấn dã man nhưng không khai thác được gì. Cuối cùng, Nguyễn Bá Loan cùng các thủ lĩnh bị xử chém.



Hình 1.6. Nhà thờ họ Nguyễn ở xã Đức Nhuận, huyện Mộ Đức – nơi thờ phụng Nguyễn Bá Nghi và con trai là Nguyễn Bá Loan

Phong trào Duy tân và chống sưu thuế dưới sự lãnh đạo của Hội Duy tân đã đánh dấu một bước chuyển biến về mặt tư tưởng, tổ chức và biện pháp đấu tranh của phong trào yêu nước ở Quảng Ngãi những năm đầu thế kỉ XX. Phong trào thể hiện sự gan dạ, kiên quyết và tinh thần anh dũng quật khởi của nhân dân Quảng Ngãi trong tranh đấu giành độc lập, tự do và góp phần cổ vũ mạnh mẽ phong trào chống sưu thuế ở các tỉnh Trung Kỳ.



1. Nêu hoàn cảnh thành lập, chủ trương và hình thức hoạt động của Hội Duy tân Quảng Ngãi.
2. Hội Duy tân Quảng Ngãi đã lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống Pháp như thế nào? Em có nhận xét gì về phong trào chống Pháp của nhân dân Quảng Ngãi đầu thế kỉ XX?

3. Nhân dân Quảng Ngãi với việc bảo vệ chủ quyền biển đảo Hoàng Sa, Trường Sa

Nhà nước Việt Nam là nhà nước đầu tiên trong lịch sử đã chiếm hữu và thực thi chủ quyền của mình tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Đầu thế kỉ XVII, Hoàng Sa thuộc địa phận cai quản của phủ Quảng Nghĩa (nay là Quảng Ngãi). Tại cửa biển Sa Kỳ (thành phố Quảng Ngãi), Cù Lao Ré (đảo Lý Sơn), chúa Nguyễn lập Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải để khai thác tài nguyên biển, kiểm soát, quản lí biển, đảo, từng bước xác lập chủ quyền đối với hai quần đảo này.

Đội Hoàng Sa lấy từ ngư dân 2 xã An Hải và An Vĩnh thuộc huyện Bình Sơn (nay là xã Bình Châu thuộc huyện Bình Sơn và xã Tịnh Kỳ thuộc thành phố Quảng Ngãi), sau đó là An Hải phường và An Vĩnh phường (nay thuộc huyện Lý Sơn). Đầu Đội Hoàng Sa là một “cai đội”, những thành viên trong đội gọi là “lính”.

Em có biết?

Trích “Phủ biên tạp lục của Lê Quý Đôn (1776): “Trước họ Nguyễn đặt đội Hoàng Sa 70 suất, lấy người xã An Vĩnh sung vào, cắt phiên mỗi năm cứ tháng 2 nhận giấy sai đi, mang lương đủ ăn 6 tháng, đi bằng 5 chiếc thuyền câu nhỏ, ra biển 3 ngày 3 đêm thì đến đảo ấy”.

Từ thời Gia Long (1803), Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải không chỉ làm nhiệm vụ khai thác tài nguyên mà còn làm công tác xem xét, đo đạc thủy trình, vẽ bản đồ, cắm cột mốc và dựng bia chủ quyền, quản lí và bảo vệ cương giới nước nhà.

Em có biết?

Hàng năm, vào tháng ba Âm lịch, các tộc họ trên đảo Lý Sơn tổ chức Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa tại đình làng An Vĩnh, An Hải để tưởng nhớ những người lính Hoàng Sa đã hi sinh trong quá trình thực thi nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước. Đây là lễ hội khơi dậy lòng yêu nước, bảo tồn các giá trị văn hoá của cha ông, giúp cố kết cộng đồng, giáo dục truyền thống cho các thế hệ con cháu Lý Sơn, Quảng Ngãi nói riêng và Việt Nam nói chung. Năm 2013, Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa và đình làng An Vĩnh được Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch công nhận là Di sản văn hoá phi vật thể và Di tích lịch sử văn hoá cấp quốc gia.

Lịch sử xác lập, thực thi và bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa của dân tộc ta từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XX được viết bằng mồ hôi, xương máu và cả sinh mạng của nhiều thế hệ tráng đinh Quảng Ngãi thuộc Đội Hoàng Sa. Họ thật sự là những anh hùng vô danh, mãi mãi được lưu truyền trong tâm thức của người dân Quảng Ngãi nói riêng và cả nước nói chung.



Hình 1.7. Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa

Em có biết?

Tượng đài Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải khắc hoạ 3 chân dung: Vị đứng giữa là Cai đội với một tay chỉ thẳng về hướng Biển Đông, một tay đặt lên cột mốc chủ quyền khắc dòng chữ “Vạn lý Hoàng Sa”. Hai bên Cai đội là hai dân binh, một người cầm giáo, một người vác lưới trên tay, cùng giống buồm ra biển Biển Đông thực thi nhiệm vụ cắm mốc chủ quyền trên hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. Đó chính là những biểu tượng của Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải.



Hình 1.8. Tượng đài Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải tại đảo Lý Sơn



Hình 1.9. Nhà trưng bày hiện vật của Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải



1. Nêu những đóng góp của nhân dân Quảng Ngãi trong quá trình xác lập và thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.
2. Nêu ý nghĩa của việc tổ chức Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa.
3. Ngày nay, nhân dân Quảng Ngãi đã tiếp nối truyền thống bảo vệ chủ quyền biển, đảo như thế nào?



LUYỆN TẬP

1. Vẽ sơ đồ tư duy về tình hình chính trị, kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi từ nửa cuối thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XX.
2. Lập bảng thống kê các phong trào yêu nước của nhân dân Quảng Ngãi từ thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX.

Tên phong trào	Thời gian	Người lãnh đạo	Mục đích	Diễn biến chính
?	?	?	?	?
?	?	?	?	?
?	?	?	?	?



VẬN DỤNG

1. Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet, em hãy cho biết những làng nghề thủ công nào của Quảng Ngãi còn duy trì và phát triển cho đến ngày nay? Đề xuất giải pháp để bảo tồn các làng nghề đó.
2. Phát biểu suy nghĩ của em về truyền thống yêu nước và đấu tranh của nhân dân Quảng Ngãi từ thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX. Là người con của quê hương Quảng Ngãi, em phải làm gì để phát huy truyền thống ấy trong giai đoạn hiện nay?
3. Tìm hiểu thông tin từ sách, báo, internet, em hãy viết bài giới thiệu ngắn gọn về một nhân vật lịch sử tiêu biểu ở Quảng Ngãi trong giai đoạn từ thế kỉ XVIII đến đầu thế kỉ XX theo gợi ý sau:
 - Vài nét về tiểu sử nhân vật.
 - Nêu những đóng góp của nhân vật.
 - Địa danh/ công trình hiện nay liên quan đến nhân vật.
 - Bài học mà em học được từ nhân vật.

MỘT SỐ PHONG TỤC, TÍN NGƯỠNG TRUYỀN THỐNG CỦA CÁC DÂN TỘC Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Kể tên được một số phong tục, tín ngưỡng truyền thống tiêu biểu của các dân tộc ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Trình bày được ý nghĩa các phong tục, tín ngưỡng truyền thống của các dân tộc ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Thực hiện được các hành động, việc làm phù hợp góp phần tuyên truyền, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống của địa phương.



MỞ ĐẦU

Quảng Ngãi là địa bàn cư trú lâu đời của các dân tộc Kinh, Hrê, Co và Ca Dong. Trải qua các thời kì lịch sử, các dân tộc trong tỉnh luôn phát huy tinh thần đoàn kết, yêu nước, cần cù lao động, đóng góp to lớn vào sự phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Cộng đồng các dân tộc ở Quảng Ngãi còn lưu giữ, trao truyền những nét đẹp, những phong tục, tín ngưỡng góp phần làm phong phú nền văn hoá nước nhà.



Hình 2.1. Lễ đính hôn của người Kinh



Hình 2.2. Lễ hội cúng lúa mới của người Co



Hình 2.3. Người Ca Dong hát múa mừng đám cưới



Hình 2.4. Nghi thức cúng lúa mới của người Hre



Kể tên một số phong tục, tín ngưỡng của các dân tộc ở Quảng Ngãi mà em biết.



KIẾN THỨC MỚI

I. Phong tục, tín ngưỡng của người Kinh (Việt) ở Quảng Ngãi

1. Phong tục

a) Phong tục theo vòng đời người

– **Sinh đẻ:** Phụ nữ xưa khi mang thai cần kiêng cử một số điều như không mang vác nặng, kiêng ăn uống một số loại thực phẩm không tốt cho thai nhi,... Khi sinh đẻ, người mẹ cần có thời gian ở cữ, phải nằm than lửa, ăn thức ăn mặn. Vào ngày đầy tháng, gia đình phải làm lễ cúng đầy tháng, tròn một năm làm lễ “thôi nôi” và tùy nơi chọn một trong hai thời điểm này để đặt tên cho đứa trẻ. Ngày nay, quan điểm sinh con và kiêng cử khi mang thai, sinh đẻ cũng có phần khác hơn nhưng nhìn chung vẫn giữ được những nét chính từ những thế hệ ông cha truyền lại.

– **Hôi cưới:** Trước đây việc hỏi cưới phải theo đúng tập tục được quy định trong hương ước của làng. Người ta hay tìm chỗ “môn đăng, hộ đối”, cũng có trường hợp việc kết hôn được đính ước khi con còn nằm trong bụng mẹ. Để tiến hành đám cưới phải trải qua rất nhiều nghi lễ. Ngày nay việc quyết định cưới chủ yếu phụ thuộc vào tình yêu của nam, nữ. Bên cạnh đó các nghi lễ đã giảm đi nhiều, tập

trung chủ yếu vào lễ dạm ngõ, lễ hỏi (đính hôn) là lễ thức chính thức công nhận con dâu, con rể. Theo đó họ nhà trai mang lễ vật đến họ nhà gái (trầu cau, rượu, chè, bánh trái, bông tai, nhẫn...) để làm lễ hỏi vợ cho con, cháu, và đôi bên cùng chọn “ngày lành tháng tốt” để tổ chức lễ cưới.

– **Tang ma:** Khi có người mất đi, gia đình và người thân phải tổ chức và thực hiện đầy đủ các nghi thức trong tang lễ. Qua thời gian, mặc dù cũng đã giản lược nhưng trong tang lễ hiện nay thường vẫn phải thực hiện các bước theo phong tục cổ truyền như lễ nhập quan, lễ thành phục, lễ viếng, lễ động quan,... Tất cả các nghi lễ đều thể hiện lòng thành kính, trang nghiêm, tình cảm yêu thương đối với người đã mất.

b) Phong tục theo sinh hoạt đời sống

Trong sinh hoạt đời sống, phong tục của người Kinh ở Quảng Ngãi thể hiện chủ yếu qua các hoạt động ngày lễ tết, tiêu biểu như là Tết Nguyên đán (Tết cổ truyền dân tộc), Tết Đoan ngọ (mùng 5 tháng 5 âm lịch), Tết Trung thu (rằm tháng 8). Bên cạnh lễ tết, tại các làng quê còn giữ nhiều loại hình lễ hội cổ truyền, đặc biệt là ở các vùng ven biển.

Nhìn chung, những phong tục trong đời sống của người Kinh tại Quảng Ngãi khá đa dạng và phong phú, mang nhiều giá trị giáo dục đạo đức, thẩm mỹ, nhân văn, tăng cường tính cố kết cộng đồng sâu sắc.

2. Tín ngưỡng

a) Thờ cúng tổ tiên, các vị anh hùng có công với nước

– **Thờ cúng tổ tiên:** Thờ cúng tổ tiên là một hình thức sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng tiêu biểu của người Kinh nói chung, người Kinh ở Quảng Ngãi nói riêng. Theo truyền thống hầu hết các gia đình của người Kinh ở Quảng Ngãi đều có bàn thờ tổ tiên. Bàn thờ bao giờ cũng được đặt tại nơi trang trọng nhất của ngôi nhà, là nơi làm lễ tế tổ tiên vào các ngày quan trọng như: cưới hỏi, mừng thọ, đỗ đạt, giỗ, tết,... Ngoài ra hàng năm vào dịp kỷ nhật, chạp, con cháu và bà con dòng họ thường tề tựu tại nhà thờ chính, nơi có người con trai trưởng phụng tự.



Hình 2.5. Bàn thờ cúng gia tiên của người Kinh

Đây cũng là dịp để củng cố mối quan hệ giữa những người cùng quan hệ huyết thống, họ hàng và xóm giềng với nhau. Tín ngưỡng này chứa đựng nhiều giá trị nhân văn, giáo dục đạo đức,... hạt nhân của tín ngưỡng này chính là đạo lý “Cây có cội, nước có nguồn” và “Chim có tổ, người có tông” của dân tộc ta.



Em hãy đọc thông tin trong tài liệu và kết hợp tìm hiểu thực tế về nghi thức thờ cúng tổ tiên của người Kinh ở tỉnh Quảng Ngãi. Rút ra ý nghĩa.

– *Thờ cúng anh hùng dân tộc*: Tín ngưỡng thờ cúng anh hùng dân tộc, những người có công với đất nước xuất hiện từ sớm phản ánh quá trình dựng nước, giữ nước trong chiều dài lịch sử dân tộc, là truyền thống tốt đẹp được người Kinh gìn giữ đến ngày nay.

Ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Quảng Ngãi nói riêng, rất nhiều anh hùng dân tộc được nhân dân tôn vinh, thờ phụng tiêu biểu như: Trần Quốc công Bùi Tá Hán, Bình Tây Đại Nguyên soái Trương Định,... Việc thực hành tín ngưỡng vừa bày tỏ lòng biết ơn của hậu thế, vừa thành tâm mong muốn nhận được sự phù trợ của các ngài trong công cuộc bảo vệ đất nước. Thông qua đó có thể hiểu rõ hơn về công lao to lớn của các vị anh hùng góp phần giúp người dân bảo lưu, giữ gìn và phát huy giá trị đạo đức tốt đẹp của dân tộc, đồng thời để thế hệ sau có ý thức hơn về vai trò, trách nhiệm của mình trong việc tiếp nối truyền thống tốt đẹp của cha ông, học tập và rèn luyện trở thành người có ích cho gia đình và xã hội.

b) Thờ cúng thần

– *Thờ cúng Cá Ông*: Thờ cúng Cá Ông là một hình thức thờ cúng cá voi và các thủy thần trên biển, do ngư dân các làng ven biển hàng năm lo việc tế tự vào xuân thu nhị kì. Để tri ân Cá Ông cứu mạng, các ngư dân tôn vinh Ông thành thần, các triều đại nhà Nguyễn thường ban các sắc phong thần với nhiều tước vị cho Ông và chuẩn cho nhân dân các làng ven biển phụng thờ. Ngoài việc cúng tế, hàng năm tại làng Ông còn tổ chức hát bả trạo, múa gươm, diễn các trò diễn dân gian như đua thuyền, lắc thúng.

– *Thờ cúng nữ thần:*

Tín ngưỡng thờ cúng nữ thần là một nét đặc sắc của người Kinh, là bản sắc văn hoá truyền thống được duy trì, kế tục và phát triển cho đến ngày nay. Hiện nay, ở Quảng Ngãi còn nhiều điểm thờ cúng các nữ thần. Nhiều dinh thờ nữ thần còn lưu giữ gần như nguyên vẹn được các cấu kiện kiến trúc, các hoa văn hoạ tiết được chạm khắc công phu từ hàng vài trăm năm trước như: Dinh bà Thiên YA Na ở xóm Trung Yên (huyện Lý Sơn), Điện Trường Bà (huyện Trà Bồng), miếu Bà ở thôn Thọ Lộc Đông (xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh), miếu Bà Mãi Châu Thần Nữ ở xã Nghĩa Phú (thành phố Quảng Ngãi),... Việc tế tự các nữ thần ở các nơi đều theo nghi thức cũ (được quy định trong hương ước), các vật phẩm hiến tế tùy theo mùa và tùy theo điều kiện từng địa phương. Một số dinh, miếu thờ nữ thần còn giữ các sắc phong của các triều vua nhà Nguyễn ban tặng.

Em có biết?

Tín ngưỡng thờ cúng âm hồn (cô hồn) cũng là một tín ngưỡng dân gian khá phổ biến của người Kinh ở Quảng Ngãi. Biểu hiện qua sự tồn tại của các nghĩa tự, miếu âm hồn với nghi lễ thờ cúng hàng năm được tổ chức tại các thôn, xã hết sức quy củ và trang nghiêm. Đây là nét đẹp mang tính nhân văn sâu sắc trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Quảng Ngãi.



Hình 2.6. Lễ cúng thờ cá Ông ở thôn Thanh Thủy, huyện Bình Sơn



Hình 2.7. Dinh bà Thiên YA Na ở huyện Lý Sơn



Thống kê một số phong tục, tín ngưỡng tiêu biểu của người Kinh ở Quảng Ngãi theo gợi ý sau:

STT	Lĩnh vực	Hình thức thể hiện	Ý nghĩa	Ghi chú
1	Sinh đẻ			
2	Hôn nhân			
3	Tang ma			
4	Thờ cúng tổ tiên, anh hùng dân tộc			
5	Thờ cúng cá Ông			
6	Thờ cúng nữ thần			
7	Thờ cúng âm hồn			

II. Phong tục, tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Ngãi

1. Phong tục

Cũng như cộng đồng người Việt tại Quảng Ngãi, đồng bào các dân tộc thiểu số ở trong tỉnh còn giữ khá đầy đủ các phong tục điển hình của từng dân tộc, vừa chứa đựng những giá trị văn hoá tốt đẹp vừa đan xen những hủ tục liên quan đến chu kì vòng đời người, trong đó ba mốc quan trọng là sinh đẻ, hỏi cưới và tang ma.

a) Sinh đẻ

Người phụ nữ luôn kiêng cử nhiều điều trong lúc mang thai và được cộng đồng chú trọng ưu ái hơn những phụ nữ khác, như được chia nhiều phần thức ăn trong ngày lễ hội,... Khi sinh có bà mụ, là một người có kinh nghiệm trong việc sinh nở, và những người thân cận giúp sức tại nhà sàn (ngày nay nhiều người đã đến trạm xá, bệnh viện). Việc sinh đẻ diễn ra ngay gần bếp lửa của nhà sàn. Để nhờ thần linh giúp sức cho thai phụ và thai nhi, người chủ gia đình làm gà, xôi cúng thần.

Trước đây, do khâu vệ sinh trong sinh nở không kĩ lưỡng, việc chăm sóc chưa chu đáo và việc cho con ra ngoài nắng gió quá sớm,... nên tỉ lệ trẻ bị chết yểu khá cao.

Ngày nay, nhờ việc tuyên truyền về sức khỏe sinh sản nên việc sinh đẻ của đồng bào có nhiều tiến bộ so với trước.

b) Hối cưới

Ngày trước, người đàn ông có thể lấy một hay nhiều vợ, nay tập tục ấy đã giảm nhiều, mô hình một vợ một chồng đã phổ biến. Việc chọn lựa chủ yếu dựa trên tình cảm giữa trai và gái. Chuyện cha mẹ ép buộc trong hôn nhân đã lùi vào dĩ vãng. Những người trong quan hệ huyết thống gần, chưa quá 3 đời theo họ mẹ, chưa quá 4 đời theo họ cha, thì không được lấy nhau. Khi hai người con trai và con gái đồng ý ưng nhau, sẽ có bà mối hoặc ông mối, đến thưa chuyện. Nếu gia đình hai bên đồng ý thì sẽ tiến hành bàn bạc về lễ vật, các nghi lễ trong hôn nhân.

Trong nghi thức cưới, người Hre coi trọng làm lễ ăn thề và chúc tụng. Thầy cúng sẽ bắt một con gà trống đen, dùng chân gà cào vào mình vào đầu cô dâu chú rể, sau đó cắt tiết gà nhỏ lên đầu hai người. Trong lúc làm nghi thức này, thầy cúng luôn khẩn cầu thần linh cho hai người luôn được khỏe mạnh, thương yêu nhau suốt đời, sinh đẻ nhiều, làm được nhiều lúa gạo; mọi người trong gia đình chúc tụng cô dâu và chú rể. Sau khi con gà luộc chín, thầy cúng sẽ đưa cho mỗi người một cái đùi gà, một nắm cơm, một miếng trầu. Chàng rể và cô dâu sẽ đổi đùi gà và nắm cơm cho nhau, rồi ăn hết cơm và đùi gà, sau đó ăn trầu. Có nơi cô dâu và chú rể không ăn cơm mà bỏ vào chén cất kĩ. Nếu sau này mà không ở với nhau được nữa thì họ sẽ lấy chén cơm ấy trao lại cho nhau, coi như là đã “gỡ lời thề”. Cũng có nơi thầy cúng còn đưa cho mỗi người một chén rượu, sau đó hai người sẽ ngậm rượu phun vào nhau.

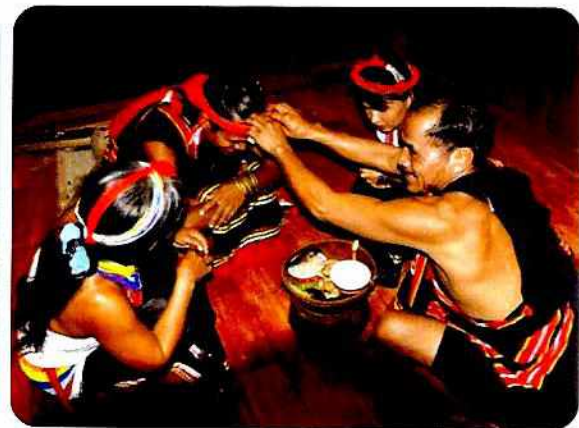
Lễ cưới của người Co thường được tổ chức trong ba ngày. Ông mỗi nhà gái là người điều hành nghi lễ này. Ông khẩn mời thần linh và tổ tiên chứng kiến cô dâu chú rể làm lễ ăn thề, và nói những lời chúc mừng. Cô dâu bốc một nhúm cơm bỏ lên đầu chú rể 3 lần và chú rể cũng lấy nhúm cơm bỏ lên đầu cô dâu 3 lần. Sau đó họ cùng bốc cơm ăn 3 lần (dâu ăn trước, rể ăn sau).

Công việc đầu tiên của cặp vợ chồng mới là phải ra sông, suối để bắt cá phép. Toàn bộ nghi thức cưới hỏi đến đó coi như đã hoàn tất. Tuy nhiên, sau lễ cưới họ nhà trai, cô dâu, chú rể cũng còn phải làm lễ phản diện (hộp bồ dék). Khoảng một năm sau ngày cưới, họ nhà trai lại mang lễ vật đến nhà gái để thăm hỏi. Một năm sau nữa, họ nhà gái cũng mang lễ vật đến nhà trai đáp lễ. Với người Co, nếu không thực hiện 2 lễ thức này thì hai bên sui gia sẽ không gắn bó mật thiết với nhau. Nếu hai bên nhà trai, nhà gái không thực hiện 2 nghi thức này thì khi gia đình bên nào có gặp đau ốm, tang ma, cưới hỏi,... hoặc tổ chức lễ ăn trâu, hai bên cũng không qua lại thăm viếng, trừ con rể, con dâu của họ.

Đối với người Ca Dong, khi đôi trai, gái đã thấy hợp lòng nhau họ trình thưa cha mẹ. Khi hai gia đình thống nhất, họ chỉ làm các lễ thức đơn giản: đầu tiên chú hoặc bác của chàng trai cùng người làm mối (không phân biệt nam nữ) đến nhà gái để thăm, không mang theo lễ vật gì. Khi nào người con gái trả lời: umi (không biết), thì mới mang trầu cau làm lễ vật. Nếu gia đình nhà gái cũng đồng ý với con, thì hai bên sẽ thực hiện lễ trao vòng. Lễ trao vòng là lễ thức đơn giản của hai gia đình, diễn ra sau lễ đi thăm. Một người lớn tuổi trong gia đình sẽ đứng ra khấn thần mặt trăng, mặt trời tác thành cho đôi trẻ, sau đó lấy tiết gà làm lễ bót wéch (nhỏ máu gà trên đầu đôi trẻ). Con gà sẽ được làm thịt, hai đùi gà sẽ được chia cho đôi trai gái đang quỳ trước mặt mâm lễ, rồi họ trao đùi gà cho nhau và ăn hết đùi gà. Ăn xong đùi gà, họ trao vòng cho nhau. Trao vòng xong, họ cùng ăn trầu, cùng ăn 2 miếng cơm, cùng uống rượu phép với gia đình. Người Ca Dong không có tục mừng cưới bằng quà, hay tiền (nay có nơi cũng đã khác). Mọi chi phí trong lễ cưới đều do chủ nhà lo liệu. Sau khi cưới xong, cô dâu chú rể có quyền ở nhà cha mẹ vợ hay cha mẹ chồng tùy thích.



Hình 2.8. Hình ảnh trong đám cưới của người Hre



Hình 2.9. Chú rể người Co làm nghi lễ cầu phúc trong ngày cưới

c) Tang ma

Người Hre, người Co và người Ca Dong ở Quảng Ngãi phân biệt các loại tang ma tùy theo chết già hay trẻ, chết trong nhà hay ngoài đường (bất đắc kì tử); Người Hre chết, thi thể sẽ được đặt trên nhà sàn. Nếu là người chủ gia đình sẽ được đặt tại cột thiêng. Bên cạnh người chết là một vò rượu, một rá cơm, một đĩa thịt heo. Người đến viếng lấy rượu, cơm, thịt bỏ vào miệng người chết một chút làm phép, sau đó tự uống. Coi như ăn uống một lần cuối cùng với người chết. Tập tục này nay cũng đã giảm nhiều. Trong lễ tang của người Hre còn có tục ha nua (chia cửa), người Hre phải làm một con trâu, một con heo, một con gà. Con trâu dùng để chia cửa không phân biệt to nhỏ, béo

hay gày, mà tùy thuộc vào quẻ bói giờ gà của thầy cúng. Nếu bói trúng quẻ là người chết đói ăn con trâu đang mang thai thì cũng phải đâm con trâu đó để chia cho người chết, đây là một tập tục còn lạc hậu. Lễ đâm trâu chia của có rất nhiều điểm khác biệt so với đâm trâu hiến tế thần linh trong lễ hội ăn trâu (ká kapơ). Người chết sẽ được chôn trong cà rắng (rừng ma). Khi hạ quan tài mọi người khóc lóc thảm thiết. Trước khi chôn, người ta mở nắp quan tài để mọi người nhìn mặt lần cuối cùng và bỏ vào trong quan tài một vài nắm cơm, cho người chết “uống” thêm vài ly rượu cộng cảm. Nếu là trẻ sơ sinh chưa kịp bú mẹ mà chết thì người nhà sẽ bỏ xác trẻ vào mo cau và đem treo lên cây cao (hình thức không táng), không có lễ chia của, đây là loại “ma” mà người Hrê cũng như các tộc người miền núi ở Quảng Ngãi nói chung rất sợ hãi. Hiện nay, hình thức mai táng này dường như đã được bỏ hẳn.

2. Một số hình thức tín ngưỡng của các dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ngãi

a) Lễ cúng ông, bà

Cũng như dân tộc Kinh, các dân tộc cũng thờ cúng tổ tiên, người Hrê gọi là tajeo phăk, người Co gọi là đóp ma kơ ul nhưng không đậm nét như người Kinh. Họ không có bàn thờ thờ tổ tiên riêng trong nhà. Khi nào trong nhà gặp phải rủi ro, hoạn nạn, tét hoặc ông bà báo mộng là muốn được ăn cúng, thì gia đình phải lo cúng tế. Vì không có bàn thờ nên trước khi cúng phải làm đàn cúng ngoài sân, phía trước ngôi nhà. Đàn cúng ngoài sân cũng giống với các đàn cúng dùng để cúng ở máng nước, ở ngã ba đường, ở đường vào rừng,... nhưng thường có quy mô lớn hơn. Lễ vật hiến tế trong nghi lễ cúng ông bà thường là heo, gà, rượu, trầu cau,...

b) Lễ cúng gọi hồn

Người Hrê gọi lễ cúng này là dăk ma-hua măng-lơn, tức gọi hồn dưới địa ngục. Trong gia đình có người đau ốm nặng mà thấy khó khỏi thì người Hrê làm nghi lễ gọi hồn, vì cho rằng ma quỷ ở dưới măng-lơng (địa ngục, âm phủ) đã gọi hồn người ốm phải về “dưới đó”.

Người Co cho rằng, người đàn ông có 18 phol (hồn vía) và 18 phươk (mạng); đàn bà có 19 phol và 19 phươk. Khi trong gia đình đau ốm thì phải mời thầy cúng đến để cúng gọi hồn. Bởi khi con người đau ốm mà lâu khỏi, thì có khi bị các ma bắt, hoặc có khi bị quỷ dữ ám hại, bắt hồn đi đâu đó. Vì thế, muốn cho người hết đau ốm phải gọi hồn về. Lễ vật cúng gọi hồn chỉ đơn giản là một con gà, rượu, trầu cau,... Thầy cúng sẽ dùng lục lạc rung bên đàn cúng và cây nêu (nhỏ) được dựng trước sân để gọi hồn.

Người Ca Dong cúng gọi hồn, tiếng Ca Dong là Ta reo yok mơ hua, nó gần giống như dân tộc Hrê và dân tộc Co khi có người ốm đau trong gia đình thì mới tổ chức cúng.

c) Lễ cúng lúa mới

Các dân tộc ở vùng Trường Sơn – Tây Nguyên nói chung, dân tộc ở Quảng Ngãi nói riêng đều cho rằng lúa có hồn, nên vào mùa thu hoạch lúa các gia đình đều làm lễ cúng lúa mới. Tiếng Hre cúng lúa mới được gọi là kăq-qmao meo, khi cúng lúa mới thầy cúng phải khấn mời Yang Xori (thần Lúa). Vì Yang Xori là nữ thần nên khi cúng phải cúng bằng một con gà mái, kiêng cúng gà trống. Cúng thần Lúa là một nghi lễ được tổ chức bên chòi lúa hoặc bên bếp lửa nhà sàn. Ngoài các lễ vật chính để cúng như trên, người Hre còn làm heo, gà để chiêu đãi họ hàng. Khi rượu ngà say, các loại hình sinh hoạt văn nghệ truyền thống được tiếp nối, như hát ca lêu, ca chơi, chơi các loại nhạc cụ,...

Người Co gọi Lễ cúng lúa mới là Lễ Ngã rạ (saaniq) là lễ thức cúng lúa rẫy vào mùa thu hoạch. Để làm lễ ngã rạ, gia đình phải chuẩn bị các loại lễ vật như gạo, nếp, heo, gà, rượu cần,... Sau 3 lần khấn vái hồn lúa, thầy cúng lấy lục lạc và cườm rung trước đàn cúng gọi hồn lúa về. Xong nghi lễ này, thầy cúng cùng gia đình làm lễ rước hồn lúa về chòi. Để đưa hồn lúa lên chòi, người Co dùng sợi chỉ trắng thắt đúng 9 bậc từ đất lên cửa chòi. Khi hồn lúa “đã lên chòi”, mọi người vào nhà ăn phép các thứ thức ăn đã cúng cho hồn lúa. Mọi nghi lễ hoàn tất, thầy cúng, các thành viên trong gia đình cùng bà con xóm giềng (được mời) sẽ thưởng thức cơm lúa mới, ăn những thức ăn gia đình đã nấu nướng, uống rượu cần, hoặc rượu đoak. Khi rượu đã ngà say, họ hát xà ru, a giới, a lát,... chơi các loại nhạc cụ truyền thống của dân tộc mình.

Với người Ca Dong là nghi thức mừng lúa mới. Sau khi lúa đã thu hoạch xong, người ta làm những hạt lúa đầu tiên để cúng thần linh và tổ tiên. Cúng xong ai nấy mới bắt đầu được ăn những hạt gạo đầu tiên của mùa thu hoạch. Ăn cơm trong nồi phải chừa lại một ít, ăn cơm nóng cũng không được thổi. Cơm cục dành cho đàn ông, cơm rời dành cho phụ nữ.

Nói chung, các dân tộc miền núi Quảng Ngãi đều theo tín ngưỡng vạn vật hữu linh, xem mọi vật đều có hồn. Trước kia, kinh tế – xã hội còn ở trình độ phát triển thấp, không thể giải thích được các nguyên nhân gây nên những ốm đau, bệnh tật, tai họa,... giáng xuống cho con người, người ta giải thích theo lối siêu hình và thực hiện



Hình 2.10. Già làng tiến hành các nghi thức cúng lúa mới của người Hre

nhiều lễ thức tín ngưỡng. Có nhiều lễ thức nặng về mê tín, lạc hậu, như đầu ốm chỉ cúng gọi hồn, chết yểu phải treo xác trên cây, chia cửa bằng trâu (có cả trâu đang có thai, hay trâu con)... Việc cúng tế diễn ra thường xuyên, hao tốn khá nhiều của cải, công sức và thời gian. Khi các cuộc vận động xây dựng đời sống văn hoá mới triển khai, các hủ tục đó đã dần dần được xoá bỏ.



Hình 2.11. Một trong số các nghi thức cúng lúa mới tại nhà của người Ca Dong



Em hãy trình bày một số nét tiêu biểu về phong tục, tín ngưỡng của đồng bào dân tộc thiểu số ở tỉnh Quảng Ngãi.



LUYỆN TẬP

1. Lập bảng thể hiện những hình thức phong tục, tín ngưỡng của người Kinh và đồng bào các dân tộc thiểu số ở Quảng Ngãi theo mẫu sau:

Hình thức	Người Kinh	Các dân tộc thiểu số	Ghi chú

2. Theo em, nên làm gì để bảo tồn, phát huy tốt hơn giá trị của những phong tục, tín ngưỡng của người Kinh và đồng bào các dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.



VẬN DỤNG

1. Hãy sưu tầm tư liệu (qua sách, báo, internet,...) và giới thiệu một phong tục, tín ngưỡng tiêu biểu tại địa phương em đang sinh sống.
2. Hiện nay với sự phát triển của công nghệ thông tin chúng ta nên làm gì để góp phần bảo vệ và quảng bá một số phong tục, tín ngưỡng tốt và xoá bỏ những tập tục lạc hậu ở địa phương.

LỄ HỘI VÀ NGHỆ THUẬT TRUYỀN THỐNG TIÊU BIỂU Ở QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Kể tên được một số lễ hội và nghệ thuật truyền thống tiêu biểu ở Quảng Ngãi.
- Nêu được mục đích, thời gian, địa điểm và ý nghĩa tổ chức một số lễ hội ở Quảng Ngãi.
- Tạo được mô hình nhân vật và hoạt cảnh về đề tài lễ hội ở Quảng Ngãi.
- Có ý thức bảo tồn, giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống đặc sắc ở Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU

Lễ hội và nghệ thuật truyền thống là một hình thức sinh hoạt văn hoá lâu đời, là dịp để các cộng đồng dân cư cùng sinh sống trên địa bàn thể hiện mối quan hệ gắn bó, tình đoàn kết, giúp đỡ và tương trợ lẫn nhau trong cuộc sống cũng như trong lao động, sản xuất, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về mặt đời sống tinh thần cho nhân dân, đồng thời là hình thức giáo dục, chuyển giao cho các thế hệ sau biết giữ gìn, kế thừa và phát huy những giá trị đạo đức truyền thống quý báu của dân tộc.



Hình 3.1. Lễ Khao lễ thể linh Hoàng Sa ở huyện Lý Sơn



Hình 3.2. Lễ hội đua thuyền ở xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi



Hình 3.3. Tiết mục đấu chiêng của đồng bào Co ở huyện Trà Bồng



Kể tên một số lễ hội và nghệ thuật biểu diễn ở Quảng Ngãi mà em biết.



Quảng Ngãi có nhiều lễ hội và nghệ thuật truyền thống độc đáo, tiêu biểu như: Lễ Khao lè thể lính Hoàng Sa, Lễ hội cầu ngư, Lễ hội đua thuyền, Tết Ngã rạ, nghệ thuật biểu diễn công chiêng,... Các lễ hội và hình thức nghệ thuật này được tổ chức đều đặn hằng năm để cầu mong mưa thuận gió hoà, quốc thái dân an; ghi ơn công đức các bậc tiền nhân, hướng về cội nguồn dân tộc và thể hiện vươn tới khát vọng chân – thiện – mỹ của con người.

1. Lễ Khao lè thể lính Hoàng Sa

Lễ Khao lè thể lính Hoàng Sa là một trong các lễ hội sự kiện khẳng định chủ quyền của nước ta đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. Đây là nghi lễ gắn liền với tâm thức của người dân địa phương nhằm tưởng nhớ, tri ân các bậc tiền nhân có công gióng thuyền, dựng bia, xác lập bảo vệ chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Thể hiện ý chí, quyết tâm bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo thiêng liêng của đất nước. Không chỉ vậy, đây còn là dịp để giáo dục truyền thống yêu nước cho thế hệ trẻ. Với mong muốn lớp con cháu hôm nay và mai sau, tiếp tục gìn giữ chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc.

Trải qua bao thăng trầm của lịch sử, người dân Lý Sơn vẫn không quên công lao của các bậc tiền nhân đã hy sinh vì nghĩa lớn. Để tưởng nhớ và ghi ơn tiền nhân, các tộc họ ở Lý Sơn hằng năm đều tổ chức Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa, qua đó giúp con cháu biết được công lao của tổ tiên mà ghi nhớ và noi theo.

Chỉ bằng những con thuyền mỏng manh, theo mệnh lệnh triều đình, những binh phu của hòn đảo này năm xưa đã vượt hiểm nguy, băng qua sóng gió, bão bùng, không quản ngại hy sinh thân mình để vươn ra hải đảo khai thác sản vật, cắm mốc chủ quyền, bảo vệ đất nước. Đội hùng binh Hoàng Sa kiêm quản Bắc hải đã ra đời trong bối cảnh đó.

Khi giong thuyền ra Hoàng Sa làm nhiệm vụ, Đội hùng binh luôn phải đương đầu với sự khắc nghiệt của biển khơi, nhiều người trong số họ đã phải ngã xuống, thi thể của họ đã được hoà vào lòng biển của Tổ quốc. Những người con của đảo Lý Sơn một đi không trở lại ấy luôn được người dân nơi đây mãi mãi tri ân bằng một nghi Lễ có tên là Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa.

Hằng năm, cứ đến ngày 16 tháng Ba âm lịch, không chỉ có hơn 2 vạn dân ở trên đảo mà có hàng trăm người con của Lý Sơn đang làm ăn sinh sống từ mọi miền của Tổ quốc cũng trở về với đất đảo. Trong buổi đoàn viên ấy, các thế hệ con em ở Lý Sơn lại được nghe cha ông của họ kể về tổ tiên mình đã từng chinh phục Hoàng Sa như thế nào bằng những con thuyền mỏng manh trước gió bão.

Những câu chuyện ấy đã, đang và sẽ khắc sâu vào tâm trí các thế hệ người dân Lý Sơn, người dân Quảng Ngãi, người dân Việt Nam rằng: quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa mãi mãi là một phần máu thịt thiêng liêng của Tổ quốc Việt Nam.



Hình 3.4. Tri ân các hùng binh đã anh dũng hi sinh



Hình 3.5. Nghi lễ thả thuyền ở Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa

Tinh thần của Lễ hội đặc sắc và độc đáo này thực sự là một bài học trực quan sinh động nhất và có sức thuyết phục về lòng yêu nước đối với lớp trẻ ngày hôm nay.

Em có biết?

Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa nhằm tri ân những hùng binh đã anh dũng hi sinh, khi phụng mệnh triều đình hằng năm ra quần đảo Hoàng Sa cắm bia khẳng định chủ quyền của Việt Nam và tuần tra, thu lượm hải vật,... Với ý nghĩa và tầm quan trọng đó, tháng 4/2013, Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã quyết định đưa Lễ Khao lễ thể lính Hoàng Sa vào Danh mục Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia, loại hình Tập quán xã hội và tín ngưỡng.

2. Lễ hội đua thuyền ở xã Tịnh Long

Lễ hội đua thuyền là một lễ hội truyền thống của ngư dân Quảng Ngãi vào dịp đầu xuân. Theo thông lệ từng địa phương mà lễ hội diễn ra hàng năm hoặc 2 năm 1 lần hoặc 3 năm 1 lần và các địa phương tự quy định ngày tổ chức lễ hội mừng 3, mừng 4, mừng 5 hoặc mừng 6 Tết,... Lễ hội thu hút nhiều người dân địa phương và các vùng lân cận đến xem và cổ vũ. Đây cũng là dịp để mọi người giao lưu, giải trí, thể hiện tinh thần đồng đội, đoàn kết.

Thông thường, ban tổ chức sẽ dựa vào số lượng xóm, hoặc thôn để chia làm các đội thi. Các ngư dân trong xóm, hoặc thôn sẽ bầu ra những người có sức khoẻ tốt, vững vàng tay chèo để thi đấu cùng đội bạn.

Xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi nằm ở tả ngạn sông Trà Khúc, gần sát với cửa Đại Cổ Luỹ xưa vốn là một thương cảng chính, khá sầm uất. Bởi vậy, bên cạnh nghề nông với ruộng vườn xanh tốt, cư dân Tịnh Long còn làm nghề trên sông, trên biển. Đó chính là lí do sinh ra lễ hội đua thuyền có từ nhiều thế kỉ trước.



Hình 3.7. Đua thuyền ở xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi

Lễ hội đua thuyền ở Tịnh Long là hoạt động vui chơi lành mạnh với mong ước một năm mới dồi dào sức khỏe, làm ăn thuận lợi với sự tham gia hưởng ứng nhiệt tình của người dân địa phương và dân cư các vùng lân cận. Thuyền đua là một loại thuyền đặc biệt, không giống như thuyền thường, với dáng thon và dài để hạn chế được tối đa lực cản của nước. Khi đóng thuyền, người ta cũng phải chọn ngày lành tháng tốt. Thuyền đóng xong, được trang trí rất đẹp từ đầu đến đuôi theo hình con vật trong tứ linh. Bốn thôn (An Lộc, An Đạo, Gia Hoà và Tăng Long) trong xã, mỗi thôn sẽ làm một thuyền đua và được trang trí theo hình Long (rồng), Ly (lân), Quy (rùa), Phụng (phượng).

Trong mỗi thuyền đua có 15 chèo công, thủy thủ mặc đồng phục và ở tất cả các thuyền đều chít khăn màu đỏ. Khi có lệnh xuất phát, các thuyền lập tức lao lên về phía trước. Tiếng trống giục liên hồi, tiếng reo hò vang dậy ở hai bên bờ sông, những chiếc nón hươ lên cao cổ vũ, tạo nên một không khí tưng bừng và náo nức. Mỗi lần đua gồm 8 vòng với 4 km và chia thành 2 đợt đua, khoảng giữa 2 đợt đua là thời gian nghỉ giải lao để chèo công và thủy thủ lấy lại sức.

Đua thuyền ở Tịnh Long không chỉ là môn thể thao để người dân rèn sức mà còn khơi dậy tinh đoàn kết, sự đồng tâm hợp lực góp phần gìn giữ những giá trị văn hoá truyền thống của cộng đồng cư dân vùng ven sông Trà Khúc.

3. Nghệ thuật công chiêng dân tộc Co và nghệ thuật trình diễn chiêng ba của dân tộc Hrê

a) Nghệ thuật công chiêng của người Co

Di sản công chiêng của dân tộc Co có sự đa dạng, độc đáo và có những nét riêng so với các dân tộc khác. Trong đó đấu chiêng là bộ môn nghệ thuật có giá trị đặc sắc nổi bật của người Co. Dựa vào các bài chiêng chào khách, tiễn khách có tiết tấu rộn ràng vui tươi dùng trong các Lễ hội Ăn trâu (diễn ra vào tháng Ba âm lịch); Tết Ngã rạ (diễn ra vào tháng Mười hoặc tháng Mười một âm lịch); Lễ hội Điện Trường Bà (được tổ chức từ ngày 15 – 16 tháng Tư âm lịch); lễ hội mừng được mùa; mừng nhà mới; hoặc các lễ hội khác,... để phát triển thành bài đấu chiêng có tiết tấu dồn dập, sôi động, trầm hùng cùng với sự ngẫu hứng cao độ của người chơi vừa mang tính giải trí, sáng tạo vừa có khả năng gắn kết cộng đồng.

Theo các tài liệu nghiên cứu, dàn chiêng dùng trong các lễ hội của đồng bào Co thường là hai chiêng và một trống. Trong đó, chiêng lớn tiếng Co gọi là Pô (chiêng đực); chiêng nhỏ hơn bỏ lọt lòng chiếc lớn, gọi là Pi (chiêng cái), chiêng được chế tác bằng đồng, mỗi chiêng chỉ có 1 âm và chiếc trống gọi là Agor có dạng hình trụ tròn, căng mặt bằng da.

Mở đầu nghệ thuật đấu chiêng, là tiếng trống và tiếng chiêng hoà quyện chậm rãi, sau đó tăng dần tốc độ và càng về sau càng thúc giục, dồn dập hơn. Người đánh chiêng luôn thể hiện rõ tài năng ửng tác của mình, biết kết hợp các thể loại trong diễn tấu nhuần nhuyễn mới tạo được âm thanh lúc trầm hùng, vui nhộn hay khoan thai,...

Âm điệu trong các cuộc đấu chiêng vang lên rất lớn để khiêu khích, thách đố đối phương cùng so tài cao thấp. Từ sự hoà quyện của chiêng đực, chiêng cái và trống, với sự phô diễn hình thể của người thi đấu, mà người thường thức cảm thấy phấn khích cao độ bởi sự tác động của thính giác và thị giác. Thanh niên đánh trống, đấu chiêng phô diễn hình thể, kết hợp với những điệu múa cà đáo uyển chuyển của những cô thôn nữ người Co. Dân làng đến xem rất đông, hò reo, cổ vũ làm huyên náo cả một vùng.



Hình 3.8. Hai chiêng đực và cái đứng đối diện nhau cùng đấu, ở giữa là người gõ nhịp trống



Hình 3.9. Đấu chiêng của dân tộc Co thể hiện cả trí lực và tinh thần thượng võ

b) Nghệ thuật trình diễn chiêng ba của người Hrê

Đồng bào Hrê ở Quảng Ngãi chiếm khoảng 90% tổng người Hrê tại Việt Nam, chiếm khoảng 10% dân số trong tỉnh và sống tập trung tại 3 huyện miền núi phía tây là Ba Tơ, Minh Long và Sơn Hà.



Hình 3.10. Người Hrê trình diễn chiêng ba trong ngày vui của làng

Hằng năm, nghệ thuật trình diễn chiêng ba luôn xuất hiện ở các lễ hội mang tính cộng đồng của người Hrê như: Lễ ăn trâu, tết năm mới, lễ cầu mưa,.. và các nghi lễ trọng đại của mỗi gia đình, tạo nên không khí lễ hội vui tươi lành mạnh, gắn kết cộng đồng. Người Hrê thường dùng chiêng ba là dàn chiêng ba chiếc và có kích cỡ không bằng nhau. Chiếc lớn tên là chinh Vông hay chinh cha, chiếc nhỏ hơn là chinh Tum hay chinh mẹ, chiếc nhỏ nhất là chinh Túc hay chinh con. Khi trình diễn, chinh Vông được để nghiêng, chinh Tum để nằm, chinh Túc treo trên dây. Khi đánh, chinh Tum đóng vai trò giữ nhịp, chinh Vông và chinh Túc theo giai điệu.



Hình 3.11. Những chàng trai, cô gái Hrê nhảy múa và hát các làn điệu ta lêu, ca chơi theo nhịp chiêng

Người đánh chinh Vông và chinh Tum nắm tay trần. Còn đánh chinh Túc tay phải quấn khăn để tiếng chiêng được ấm. Người đánh chiêng giỏi nhất sẽ đánh chinh Túc, dẫn dàn chinh diễn tấu theo đúng bài bản và nhịp điệu.

Nghệ thuật trình diễn chiêng ba của người Hrê ở Ba Tơ cũng rất đặc biệt, từ tiết tấu, nhịp điệu, sự phối âm, phối bè, đến sự tài tình và tinh tế của người đánh chiêng.

Âm thanh có khởi đầu, có cao trào, có kết thúc, khi trầm hùng, khi náo nức, khi rạo rực thốn thức. Theo quan niệm của người Hrê, công chiêng cũng được xem là vật “có hồn” được trời ban cho. Tiếng chiêng được xem là tiếng nói của con người để cầu khẩn đến thần linh, cầu xin thần linh ban cho con người những điều tốt đẹp và che chở cho làng bản, gia đình có cuộc sống bình an, cây trồng, vật nuôi, mùa màng sinh sôi phát triển.

Những ngày cuối năm, bên ché rượu cần và bếp lửa bập bùng trước nhà sàn, các già làng mang chiêng ba ra đánh, những chàng trai, cô gái Hrê nhảy múa, ca hát các làn điệu ta lêu, ca chơi và thả hồn theo tiếng chiêng ba truyền thống rộn vang khắp núi đồi như chuẩn bị chào đón một mùa xuân no ấm, hạnh phúc.

Em có biết?

Nghệ thuật đấu chiêng là loại hình sinh hoạt rất đặc trưng, thể hiện bản sắc văn hoá độc đáo của cộng đồng người Co. Đặc điểm nổi bật là sáng tạo ra các bài chiêng có ý nghĩa thiết thực, linh hoạt và dung hoà được bắt nguồn từ các lễ hội truyền thống tiêu biểu với những bài chiêng và cách thức diễn tấu đã đạt đến trình độ cao về nghệ thuật và kĩ thuật. Thông qua tiếng chiêng, cách trình diễn đấu chiêng, người Co bày tỏ lòng thành kính biết ơn đối với thần linh, cầu nguyện cho mưa thuận gió hoà, mùa màng bội thu,... Tháng 8/2019, Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã kí Quyết định công nhận nghệ thuật cồng chiêng dân tộc Co là Di sản văn hoá phi vật thể quốc gia.



LUYỆN TẬP

1. Nêu mục đích, thời gian, địa điểm và ý nghĩa tổ chức các lễ hội và nghệ thuật truyền thống tiêu biểu ở Quảng Ngãi.
2. Tạo mô hình hoạt cảnh lễ hội và các nhân vật yêu thích từ vật liệu sẵn có.
3. Em phải làm gì để giữ gìn và phát huy những giá trị văn hoá lễ hội và nghệ thuật biểu diễn truyền thống tiêu biểu ở Quảng Ngãi.



VẬN DỤNG

1. Em hãy viết một đoạn văn giới thiệu về một lễ hội hoặc nghệ thuật biểu diễn truyền thống tiêu biểu ở Quảng Ngãi.
2. Sưu tầm tranh ảnh, bài viết về các lễ hội và nghệ thuật truyền thống tiêu biểu ở Quảng Ngãi.

XÂY DỰNG VĂN HOÁ ỨNG XỬ CHO HỌC SINH TRONG TRƯỜNG HỌC Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Nêu được tầm quan trọng của việc xây dựng văn hoá ứng xử cho học sinh trong trường học ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Trình bày được một số hoạt động xây dựng văn hoá ứng xử cho học sinh trong trường học ở tỉnh Quảng Ngãi.
- Có ý thức và thường xuyên có những việc làm xây dựng văn hoá ứng xử trong lớp học và trong toàn trường.
- Liên hệ trách nhiệm bản thân đối với việc xây dựng văn hoá ứng xử trong gia đình và nơi cư trú.

MỞ ĐẦU

Cùng với cả nước, các trường học ở tỉnh Quảng Ngãi rất chú trọng đến giáo dục văn hoá ứng xử thông qua nhiều hình thức, nhiều hoạt động nhằm xây dựng nét đẹp trong hành vi cho học sinh, giúp học sinh có nhận thức đúng trong suy nghĩ, thái độ hành động và hành vi ứng xử trong trường học, để đến khi các em bước vào cuộc sống sẽ trở thành những công dân có ích, sống có trách nhiệm, góp phần xây dựng quê hương, đất nước giàu đẹp, văn minh.



Hình 4.1. Học sinh đọc sách tại thư viện



Hình 4.2. Học sinh dọn vệ sinh sân trường



1. Quan sát hình 4.1 và 4.2, em hãy cho biết những hoạt động trên có ý nghĩa gì?
2. Hãy chia sẻ những hoạt động mà em đã tham gia để góp phần xây dựng trường lớp xanh, sạch, đẹp, văn minh.



1. Tầm quan trọng của việc xây dựng văn hoá ứng xử cho học sinh trong trường học ở tỉnh Quảng Ngãi

– Xây dựng văn hoá ứng xử cho học sinh là việc làm thường xuyên, liên tục của các trường học ở tỉnh Quảng Ngãi, nhằm gắn “dạy chữ” đi đôi với “dạy người”, hướng học sinh đến những điều hay lẽ phải: thực hiện tốt 5 điều Bác Hồ dạy; chấp hành tốt nội quy nhà trường; kính trọng, lễ phép yêu thương cha mẹ, thầy cô, người lớn tuổi; ứng xử đúng mực với bạn bè.

– Giúp học sinh có thái độ và hành vi đúng trong việc giữ gìn vệ sinh trường lớp sạch sẽ, tạo môi trường học đường xanh, sạch, đẹp, an toàn, lành mạnh, thân thiện.

– Giúp học sinh có ý thức tuân thủ chấp hành pháp luật; bồi dưỡng tình yêu quê hương, đất nước; bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá truyền thống của quê hương.



Hình 4.3. “Chiến dịch Đông tình nguyện – Xuân yêu thương năm 2022 – 2023” của Tuổi trẻ Trường THPT chuyên Lê Khiết đã trao tặng quà Tết cho các em học sinh trên địa bàn xã Sơn Bao, huyện Sơn Hà.



Hình 4.4. Hoạt động hành trình về địa chỉ đỏ của học sinh Trường THCS Bình Hải, huyện Bình Sơn để tri ân, tưởng nhớ các anh hùng liệt sĩ.

Em có biết?

Trên cơ sở Quyết định số 1299/QĐ-TTg ngày 3/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án “Xây dựng văn hoá ứng xử trong trường học giai đoạn 2018 – 2025”; Chỉ thị số 31/CT-TTg ngày 04/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 01/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường triển khai công tác xây dựng văn hóa học đường; Thông tư số 06/2019/TT-BGDĐT ngày 12/4/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định Quy tắc ứng xử trong cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi ra Quyết định số 1139/QĐ-UBND ngày 13/8/2019 ban hành kế hoạch triển khai thực hiện đề án: “Xây dựng văn hoá ứng xử trong trường học giai đoạn 2019 – 2025” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, tạo cơ sở pháp lí cho Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn đẩy mạnh xây dựng văn hoá ứng xử trong trường học.



Đọc thông tin ở mục 1, quan sát hình 4.3 và 4.4, em hãy cho biết Xây dựng văn hoá ứng xử cho học sinh trong trường học ở tỉnh Quảng Ngãi có tầm quan trọng như thế nào đối với sự hình thành nhân cách, đạo đức, lối sống, ý thức và hành vi của học sinh?

2. Một số hoạt động xây dựng văn hoá ứng xử cho học sinh trong trường học ở tỉnh Quảng Ngãi

Xây dựng văn hoá ứng xử cho học sinh được các trường học ở tỉnh Quảng Ngãi chú trọng thực hiện thường xuyên với nhiều nội dung, hình thức, phương pháp khác nhau thông qua các môn học chính khoá, hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm sáng tạo,... đã tạo nên chuyển biến đáng kể trong nhận thức và hành vi ứng xử của học sinh. Trên cơ sở bộ Quy tắc ứng xử của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường học trong tỉnh Quảng Ngãi soạn thảo và ban hành bộ Quy tắc ứng xử hoặc lồng ghép các Quy tắc ứng xử vào nội quy nhà trường, xây dựng kế hoạch giáo dục phù hợp với từng đối tượng học sinh của các cấp học cũng như đặc điểm tình hình của từng địa phương nhằm giáo dục văn hoá ứng xử cho học sinh, xây dựng môi trường giáo dục thân thiện, dân chủ, văn minh.

– Ứng xử lễ phép là một nét văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Giáo dục học sinh ứng xử lễ phép với thầy cô giáo, với ông bà, cha mẹ, với người lớn tuổi được các trường học trong tỉnh Quảng Ngãi chú trọng quan tâm giáo dục từ rất sớm.

– Giáo dục văn hoá ứng xử cho học sinh ở tỉnh Quảng Ngãi được thực hiện trong chương trình giáo dục chính khoá bằng các phương pháp dạy học tích cực nhằm phát huy năng lực, phẩm chất, tạo hứng thú học tập cho học sinh.



Hình 4.5. Các em nhỏ thực hành lễ phép với cô giáo

– Bên cạnh đó, diễn đàn “Xây dựng tình bạn đẹp – nói không với bạo lực học đường” được các tổ chức cấp Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam trong các trường học thường xuyên tổ chức đã trang bị cho học sinh trong các trường học của tỉnh Quảng Ngãi những kĩ năng sống, kĩ năng ứng xử, kĩ năng xây dựng tình bạn đẹp, nêu gương và nhân rộng các mô hình hoạt động, các câu chuyện về tình bạn đẹp... Việc tổ chức các diễn đàn này có vai trò quan trọng trong xây dựng văn hoá ứng xử cho học sinh, hạn chế được tình trạng bạo lực học đường.



Hình 4.6. Tỉnh Đoàn Quảng Ngãi tổ chức diễn đàn “Xây dựng tình bạn đẹp – nói không với bạo lực học đường” năm học 2018 – 2019 tại huyện Tư Nghĩa



Hình 4.7. “Công bạn đến trường”, câu chuyện tình bạn đẹp của học sinh Trường THPT Ba Gia (huyện Sơn Tịnh)

Em có biết?

Sau một cơn bệnh nặng, bạn Võ Tấn Được đã bị liệt hai chân. Hằng ngày, bạn Ngô Anh Quân chở bạn đi học, cõng bạn vào lớp học. Tình bạn của hai bạn là sự yêu thương, cảm thông, chia sẻ và giúp đỡ nhau vượt qua khó khăn, cùng nhau tiến bộ.

– Mô hình “Đêm thứ Bảy nội trú” ở các trường phổ thông dân tộc nội trú được tổ chức với nhiều hình thức sinh hoạt phong phú như: nhóm học tập, giao lưu giữa các nhóm đồng hương, khiêu vũ cùng bạn, đêm chiếu phim, quà tặng âm nhạc cuối tuần,... Với mô hình “Đêm thứ Bảy nội trú” đã góp phần nâng cao ý thức tự giác học tập của học sinh, phát triển kĩ năng sinh hoạt tập thể, kĩ năng ứng xử và các kĩ năng sống khác... Từ đó, giáo dục văn hoá ứng xử, phòng chống các tệ nạn xã hội, xây dựng môi trường học đường lành mạnh, tiến bộ.

– Giáo dục văn hoá ứng xử trong trường học ở tỉnh Quảng Ngãi không dừng lại ở việc xây dựng ứng xử văn hoá giữa người học với nhau, giữa người học với thầy cô giáo, nhân viên nhà trường,... mà còn được thể hiện trong việc xây dựng môi trường học đường xanh, sạch đẹp, an toàn bằng những việc làm thiết thực.



Hình 4.9. Học sinh Trường tiểu học Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi biểu diễn thời trang từ vật liệu tái chế, xây dựng môi trường xanh, sạch, đẹp, an toàn



Hình 4.10. Sở Giáo dục và Đào tạo Quảng Ngãi tổ chức Hội thi vẽ tranh với chủ đề “Tuổi trẻ phòng chống ma túy và các tệ nạn xã hội”

– Các hoạt động tập thể, hoạt động ngoại khoá, hoạt động trải nghiệm được các trường học trong tỉnh tổ chức đã tạo sự kết nối, giúp học sinh hiểu nhau hơn, gắn bó hơn, tôn trọng bạn bè, rèn luyện kĩ năng ứng xử, hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm trong các hoạt động ở trường học và môi trường xung quanh.



Hình 4.11. Học sinh Trường THCS Trà Xuân, huyện Trà Bồng tích cực tham gia các trò chơi tập thể



Hình 4.12. Học sinh Trường tiểu học Nam Hà, xã Nghĩa Hà, Thành phố Quảng Ngãi chăm sóc vườn hoa

– Những hoạt động giáo dục kĩ năng giao tiếp, ứng xử trên mạng xã hội; tuyên truyền, giáo dục pháp luật,... cũng được các trường trong tỉnh đồng loạt triển khai và thực hiện.



Hình 4.13. Tập huấn Giáo dục kĩ năng giao tiếp, ứng xử trên mạng xã hội cho học sinh tại Trường THPT Vạn Tường



Hình 4.14. Hoạt động tuyên truyền giáo dục Luật trẻ em tại Trường PTDTNT THCS Tây Trà

– Các trường học trong tỉnh đã thành lập Tổ tư vấn tâm lí học đường, phối hợp với cha mẹ học sinh, các đoàn thể, cơ quan chuyên môn nhằm hỗ trợ tư vấn tâm lí; giới tính, sức khỏe sinh sản,... góp phần quan trọng trong xây dựng văn hoá ứng xử của học sinh trong và ngoài nhà trường.

Các hoạt động giáo dục trong trường học đã và đang tạo sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành vi ứng xử của học sinh tỉnh Quảng Ngãi, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học, bồi dưỡng lí tưởng cách mạng cho học sinh, tạo nên những nét đẹp mới trong văn hoá của con người Quảng Ngãi.



1. Đọc thông tin, quan sát các hình 4.5 đến 4.15, em hãy cho biết các trường học ở tỉnh Quảng Ngãi đã tiến hành những hoạt động nào để xây dựng văn hoá ứng xử cho học sinh? Những hoạt động đó có ý nghĩa gì?
2. Hãy cho biết ở trường em đang học có những hoạt động nào trong việc xây dựng văn hoá ứng xử cho học sinh?



LUYỆN TẬP

1. **Bài tập tình huống:** H và Q là đôi bạn thân. Một hôm nọ, H cùng các bạn đang chơi cùng nhau trong sân trường, không may sự cố trang phục xảy ra. Q thấy thế đã chụp hình và đăng lên Facebook với lời lẽ bỗn cợt, khiếm nhã. H biết được nên nhiều lần nhắn tin đề nghị Q gỡ hình ảnh xuống và xin lỗi H. Nhưng, Q không đồng ý và có những lời lẽ không hay xúc phạm H. H giận quá nhờ mấy anh chị đón đánh Q sau giờ tan trường.

Hỏi:

- Em có nhận xét gì về nguyên nhân và cách giải quyết vấn đề của hai bạn Q và H?
 - Hậu quả của cách xử lí đó là gì?
2. Em hãy liệt kê những thái độ, hành vi ứng xử đúng và không đúng của học sinh với thầy cô giáo; ông bà, cha mẹ; người lớn tuổi; bạn bè và các em nhỏ; với môi trường; tài sản nhà trường; công trình, di tích văn hoá – lịch sử;...

Thái độ, hành vi ứng xử	Đúng, cần phát huy	Chưa đúng, cần điều chỉnh
Ứng xử với		



VẬN DỤNG

1. Em hãy xây dựng một kế hoạch tổ chức tuyên truyền về ứng xử văn hoá trong lớp hoặc trường học nơi em học tập.
2. Em cần phải làm gì để góp phần xây dựng văn hoá ứng xử trong gia đình và địa phương em đang sống?

TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN VÀ TÀI NGUYÊN RỪNG Ở TỈNH QUẢNG NGÃI

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Biết được sự phân bố tài nguyên khoáng sản, tài nguyên rừng của tỉnh Quảng Ngãi.
- Trình bày được hiện trạng tài nguyên khoáng sản và tài nguyên rừng của tỉnh Quảng Ngãi.
- Ý thức được trách nhiệm của bản thân đối với việc sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên khoáng sản và tài nguyên rừng của tỉnh Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU

Địa bàn tỉnh Quảng Ngãi tồn tại khá đa dạng về các quá trình địa chất, hoạt động kiến tạo xảy ra một cách mạnh mẽ và kèm theo đó là các hoạt động địa chất trên diện rộng, quá trình phong hoá dưới tác động của sự thay đổi nhiệt độ, nguồn nước, không khí, các loại axit trong tự nhiên và sinh vật,... Đó là yếu tố quyết định đến sự hình thành nhiều loại khoáng sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Với 2/3 diện tích là đồi núi, tỉnh Quảng Ngãi có nhiều lợi thế, tiềm năng để phát triển nhiều loại rừng. Nhiều chương trình, dự án phát triển lâm nghiệp đã đem lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và cải thiện được đời sống của người dân địa phương.



KIẾN THỨC MỚI

1. Tài nguyên khoáng sản

Nguồn tài nguyên khoáng sản của Quảng Ngãi khá đa dạng. Tính đến năm 2021, đã phát hiện khoảng 60 điểm có quặng và mỏ khoáng sản như: vàng, sắt, bôxít, cao lanh, nước khoáng, đá granit,... Tuy nhiên, phần lớn là các điểm và mỏ khoáng sản có trữ lượng nhỏ, chất lượng thấp, trừ một số mỏ có khả năng khai thác tốt như: cao lanh, grafit.

Khoáng sản của tỉnh Quảng Ngãi được chia thành 4 nhóm:

** Nhóm kim loại*

Một số khoáng sản chủ yếu như sắt phân bố ở huyện Mộ Đức, huyện Trà Bồng với trữ lượng 27,4 triệu tấn. Nhôm phân bố ở huyện Bình Sơn, huyện Sơn Tịnh trữ lượng khoảng hơn 6,8 triệu tấn. Đồng phân bố ở huyện Sơn Hà khoảng 0,11 triệu tấn. Ngoài ra, còn có các kim loại quý hiếm như: vàng phân bố ở huyện Trà Bồng, huyện Sơn Hà; liti phân bố ở huyện Ba Tơ có trữ lượng nhỏ.

** Nhóm phi kim loại*

Đá quý và bán quý có rubi sa khoáng ở xã Bình Khương, huyện Bình Sơn. Thân cây silic hoá ở xã Bình Long, huyện Bình Sơn, các thân cây có đường kính 30 cm – 40 cm, dài 1 m – 2 m. Nguyên liệu gốm sứ đã phát hiện được 6 mỏ và các điểm quặng kaolin ở xã Tịnh Hiệp, Tịnh Bắc, huyện Sơn Tịnh; xã Nghĩa Thắng, huyện Tư Nghĩa có trữ lượng khoảng 16 triệu tấn, là nguồn nguyên liệu có giá trị để sản xuất vật liệu xây dựng và gốm sứ. Mỏ sillimanit ở xã Tịnh Đông, huyện Sơn Tịnh với trữ lượng 0,075 triệu tấn, dùng để sản xuất gạch chịu lửa; Graphit ở xã Tịnh Sơn, huyện Sơn Tịnh với trữ lượng 4,4 triệu tấn, là mỏ lớn của nước ta. Ngoài ra còn có quazit ở xã Bình Phước, huyện Bình Sơn có thể sử dụng trong lĩnh vực sản xuất thủy tinh, gạch chịu lửa; than bùn phân bố ở huyện Bình Sơn, huyện Tư Nghĩa nhưng chất lượng thấp, quy mô nhỏ.



Hình 5.1. Khai thác cát trên sông Trà Khúc



Hình 5.2. Mỏ đá ở xã Bình Nguyên, huyện Bình Sơn

** Nhóm vật liệu xây dựng*

Nhóm vật liệu xây dựng ở Quảng Ngãi tương đối đa dạng và phong phú, bao gồm các mỏ đá xây dựng granit, bazan; cát, cuội, sỏi xây dựng; đất sét làm gạch ngói; đất đồi làm vật liệu xây dựng,... được đánh giá có tiềm năng lớn trên địa bàn tỉnh. Cát kết phân bố ở huyện Bình Sơn (12,5 triệu m³) được khai thác làm vật liệu xây dựng, đá mài. Đá granit tập trung nhiều ở vùng đồi núi phía tây, tây nam đồng bằng Quảng Ngãi (các huyện Nghĩa Hành, Mộ Đức, Ba Tơ, Sơn Tịnh, Bình Sơn, Tư Nghĩa) với trữ lượng ở những khu vực đang khai thác khoảng 1,8 tỉ m³. Cát, cuội, sỏi xây dựng phân bố chủ yếu trên các bãi bồi, thềm sông, dọc các thung lũng sông lớn của tỉnh với tiềm năng dự báo là 19,625 triệu m³ cát và 47,3 triệu m³ cuội, sỏi sạn cát. Ngoài ra còn có đất sét làm gạch, ngói phân bố rộng rãi ở các vùng đồng bằng như thị trấn Sông Vệ (Tư Nghĩa), Tịnh Phong (Sơn Tịnh), Phổ Phong (Đức Phổ).

** Các khoáng sản khác*

Có 2 mỏ nước khoáng nóng là Thạch Bích (xã Trà Bình, huyện Trà Bồng), Nghĩa Thuận (xã Nghĩa Thuận, huyện Tư Nghĩa) và một số điểm nước khoáng nóng khác là Sơn Mùa (huyện Sơn Tây), Thạch Trụ (huyện Mộ Đức).

Tài nguyên khoáng sản đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh, đáp ứng nguyên vật liệu phục vụ các dự án, công trình trọng điểm, hạ tầng kĩ thuật, xây dựng nông thôn mới, phục vụ dân sinh, góp phần tăng ngân sách của tỉnh, giải quyết việc làm, xoá đói giảm nghèo ở vùng nông thôn, miền núi. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác đã được các cơ quan chức năng, cơ quan bảo vệ pháp luật quan tâm thực hiện, nên tình trạng khai thác khoáng sản trái phép cơ bản đã được xử lí và từng bước được kiểm soát chặt chẽ.

Để sử dụng hợp lí tài nguyên khoáng sản, cần thực hiện các biện pháp sau:

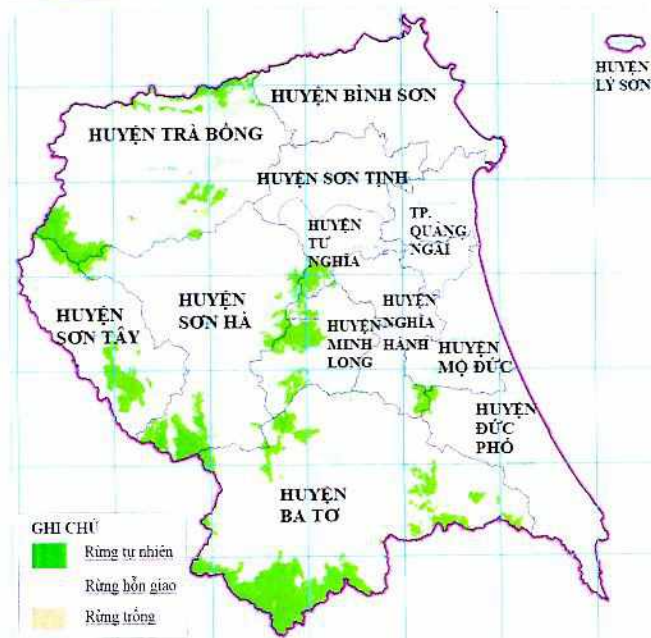
- Thực hiện nghiêm Luật khoáng sản Việt Nam.
- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về khai thác và sử dụng khoáng sản.
- Sử dụng công nghệ tiên tiến trong khai thác và chế biến khoáng sản, sử dụng các nguồn vật liệu thay thế.
- Giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường sinh thái và cảnh quan.



Vì sao cần phải khai thác hợp lí và bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh Quảng Ngãi?

2. Tài nguyên rừng

Năm 2010, diện tích rừng của tỉnh Quảng Ngãi là 262 815 ha, chiếm 51% diện tích đất tự nhiên của tỉnh. Trong những năm gần đây, được sự quan tâm của các cấp uỷ đảng và chính quyền các cấp, diện tích rừng đã tăng lên. Đến năm 2021, tổng diện tích rừng toàn tỉnh là 282 939 ha, tỉ lệ che phủ rừng đạt 54,8% trong đó diện tích rừng tự nhiên là 106 042 ha, diện tích rừng trồng là 176 897 ha. (Nguồn: *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2021*)



Hình 5.3. Lược đồ hiện trạng tài nguyên rừng tỉnh Quảng Ngãi năm 2022



Dựa vào hình 5.3 trình bày sự phân bố tài nguyên rừng của tỉnh Quảng Ngãi.

Bảng. Diện tích rừng các địa phương tỉnh Quảng Ngãi năm 2021

TT	Đơn vị	Tổng diện tích có rừng (Nghìn ha)
1	Bình Sơn	15,8
2	Tư Nghĩa	4,9
3	Sơn Tây	23,1
4	Sơn Tịnh	7,3
5	Minh Long	15,5
6	Nghĩa Hành	9,6
7	Đức Phổ	14,8
8	Mộ Đức	5,6
9	Sơn Hà	41,2
10	Trà Bồng	44,9
11	Ba Tơ	77,4
12	TP Quảng Ngãi	1,3
13	Lý Sơn	0,1

Rừng của tỉnh Quảng Ngãi hiện nay chủ yếu là rừng trồng và rừng tái sinh, rừng nguyên sinh còn ít. Tình trạng chặt phá rừng bừa bãi còn diễn ra ở nhiều địa phương trong tỉnh.



Em hãy cho biết một số nguyên nhân làm suy giảm tài nguyên rừng ở tỉnh Quảng Ngãi.



Hình 5.4. Rừng bị chặt phá ở xã Sơn Long, huyện Sơn Tây, (Báo Giao thông đăng ngày 15/10/2021)

Hoạt động trồng rừng: Trong vòng 11 năm (2010-2021), diện tích rừng trồng mới (bao gồm rừng phòng hộ và rừng sản xuất) của tỉnh Quảng Ngãi tăng rất nhanh, năm 2021 tăng gấp hơn 3,5 lần năm 2010 (năm 2010: 7 810 ha; năm 2021: 27 466 ha) (Nguồn: *Niên giám thống kê tỉnh Quảng Ngãi năm 2021*). Hoạt động trồng rừng diễn

ra mạnh mẽ ở các huyện miền núi, đặc biệt ở các huyện Ba Tơ, Trà Bồng, Sơn Tây.

Hoạt động khai thác, chế biến gỗ và lâm sản: chủ yếu là gỗ rừng trồng, ngoài ra còn khai thác củi, tre, nứa,... Sản phẩm chủ yếu là gỗ tròn, gỗ ván, bột giấy,... phục vụ cho nhu cầu nội địa và xuất khẩu.

* Để sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên rừng cần thực hiện các biện pháp sau:

– Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nâng cao ý thức và trách nhiệm của người dân trong việc trồng rừng mới và bảo vệ rừng.

– Đẩy mạnh các dự án trồng rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc và tu bổ tái tạo rừng.

– Khẩn trương rà soát, đánh giá, kiểm soát chặt chẽ các quy hoạch, dự án phát triển kinh tế – xã hội có tác động tiêu cực đến diện tích, chất lượng rừng, đặc biệt là đối với rừng tự nhiên, rừng phòng hộ. Giám sát chặt chẽ các dự án chuyển đổi mục đích sử dụng, nhất là các dự án phát triển thủy điện, khai thác khoáng sản,...



LUYỆN TẬP

1. Trình bày sự phân bố tài nguyên khoáng sản ở tỉnh Quảng Ngãi.
2. Cho bảng số liệu sau:

Diện tích đất tự nhiên và diện tích đất có rừng của một số huyện ở tỉnh Quảng Ngãi năm 2021

Đơn vị: ha

TT	Huyện	Tổng diện tích tự nhiên	Tổng diện tích đất có rừng
1	Bình Sơn	46 685,2	15 761,19
2	Sơn Hà	72 826,3	41 182,70
3	Trà Bồng	76 040,7	44 926,15
4	Ba Tơ	113 795,7	77 412,39

(Nguồn: Quyết định số 192/QĐ-UBND 07/03/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

Tính độ che phủ rừng của một số huyện theo bảng số liệu trên.



VẬN DỤNG

Em cần phải làm gì để góp phần bảo vệ tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản ở tỉnh Quảng Ngãi?

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Biết được vai trò của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi;
- Trình bày được thực trạng phát triển và phân bố các khu công nghiệp, cụm công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi.



MỞ ĐẦU

Các khu công nghiệp và cụm công nghiệp có nhiều đóng góp to lớn đối với sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi, đặc biệt là trong công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có những khu công nghiệp và cụm công nghiệp nào? Việc phát triển các khu, cụm công nghiệp ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Quảng Ngãi?



KIẾN THỨC MỚI

1. Khu công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi

a) Vai trò của các khu công nghiệp

– Thu hút vốn đầu tư trong nước và ngoài nước, các khu công nghiệp đã trở thành điểm đến của nhiều dự án quy mô lớn như: Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Doosan Vina Quảng Ngãi, Nhà máy thép Hòa Phát, hệ thống cảng nước sâu,...

– Đẩy mạnh xuất khẩu, tăng nguồn thu ngân sách của tỉnh. Năm 2021, Khu kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp đã đóng góp trên 20 000 tỷ đồng, chiếm 85% tổng nguồn thu ngân sách tỉnh Quảng Ngãi, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 1 tỉ USD.

– Tiếp nhận kĩ thuật, công nghệ tiên tiến, phương pháp quản lí hiện đại và kích thích sự phát triển các ngành công nghiệp phụ trợ và doanh nghiệp trong tỉnh.

– Tạo công ăn việc làm cho người lao động, phát triển nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn kỹ thuật.

– Thúc đẩy việc hiện đại hoá hệ thống kết cấu hạ tầng trong và ngoài khu công nghiệp tại các địa phương, đồng thời là hạt nhân hình thành các đô thị mới như: Khu đô thị – dịch vụ VSIP, Khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ Dung Quất I, Khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ Bình Thanh,...



Hãy nêu vai trò của khu công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.

b) Thực trạng phát triển và phân bố một số khu công nghiệp

Các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi phân bố chủ yếu ở các khu vực thuộc vùng đồng bằng huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh, thị xã Đức Phổ và thành phố Quảng Ngãi. Đây là những khu vực có nhiều điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, nguồn lao động, thị trường, cơ sở hạ tầng tương đối tốt,... Theo quy hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh, có thể chia phạm vi phân bố các khu công nghiệp thành hai khu vực là các khu công nghiệp trong khu kinh tế Dung Quất và ngoài khu kinh tế Dung Quất.

* Các khu công nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất

Theo quy hoạch của Chính phủ (Quyết định số 168/QĐ-TTg, ngày 28 tháng 02 năm 2023), các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi chủ yếu tập trung ở Khu kinh tế Dung Quất. Trong Khu kinh tế Dung Quất có 9 khu công nghiệp bao gồm: khu công nghiệp Tây Dung Quất, khu công nghiệp Đông Dung Quất, khu công nghiệp Bình Hoà – Bình Phước I, khu công nghiệp Bình Hoà – Bình Phước II, khu công nghiệp Tịnh Phong, khu công nghiệp VSIP, khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ Dung Quất I, khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ Dung Quất II và khu công nghiệp – đô thị – dịch vụ Bình Thanh. Tình hình phát triển một số khu công nghiệp trong Khu kinh tế Dung Quất như sau:

– Khu công nghiệp Tây Dung Quất: diện tích khoảng 355 ha, phát triển đô thị dịch vụ, du lịch sinh thái gắn với dịch vụ hậu cần sân bay; phát triển nhà máy điện khí, phát triển công nghiệp công nghệ cao; công nghiệp nhẹ, công nghiệp hỗ trợ ngành hàng không; công nghiệp chế biến gỗ và vật liệu xây dựng; gắn với trung tâm logistics và dịch vụ hậu cần sân bay Chu Lai.

– Khu công nghiệp Đông Dung Quất: diện tích khoảng 2 205 ha, phát triển các ngành công nghiệp nặng và năng lượng như dầu khí, luyện cán thép, đóng tàu; công nghiệp hỗ trợ; trung tâm dịch vụ hậu cần, kho bãi gắn với cảng biển Dung Quất.

– Khu công nghiệp Tịnh Phong: diện tích khoảng 138 ha. Ngành nghề thu hút đầu tư là cơ khí, vật liệu xây dựng, đồ gỗ xuất khẩu, điện tử, da giày, dệt may, vật liệu tổng hợp, các ngành công nghiệp phụ trợ.

– Khu công nghiệp VSIP: diện tích khoảng 582 ha. Ngành nghề thu hút đầu tư là thiết bị y tế, thực phẩm – nước giải khát, đồ nội ngoại thất, dịch vụ, may mặc, giày da, lắp ráp linh kiện điện tử và các ngành công nghiệp hỗ trợ.



Hình 6.1. Khu công nghiệp Tịnh Phong



Hình 6.2. Khu công nghiệp VSIP, Quảng Ngãi

* Các khu công nghiệp ngoài Khu kinh tế Dung Quất

– Khu công nghiệp Quảng Phú (phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi): diện tích khoảng 146,76 ha, phát triển công nghiệp chế biến thực phẩm, sản xuất bao bì, thủy sản, sản xuất dầu ăn, bia – rượu, nước giải khát, đường, bánh kẹo, các loại sản phẩm sau đường,...

– Khu công nghiệp Phổ Phong (xã Phổ Phong, thị xã Đức Phổ): diện tích khoảng 157,38 ha, phát triển sản xuất vật liệu xây dựng; may mặc; công nghiệp hỗ trợ; các ngành công nghiệp chế biến sử dụng nguồn nguyên liệu địa phương như chế biến nông, lâm, thủy sản;...



Hình 6.3. Khu công nghiệp Quảng Phú

Em có biết?

Khu công nghiệp là khu vực có ranh giới địa lí xác định, không có dân cư sinh sống, được quy hoạch tại những vùng có điều kiện tự nhiên, xã hội thuận lợi cho hoạt động kinh doanh. Trong đó, tập trung các doanh nghiệp chuyên sản xuất hàng công nghiệp và thực hiện các dịch vụ cho sản xuất hàng công nghiệp.



Hãy nêu các ngành thu hút đầu tư và phát triển của một số khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cụm công nghiệp của tỉnh Quảng Ngãi

a) Vai trò của các cụm công nghiệp

- Thúc đẩy phát triển công nghiệp ở địa bàn nông thôn, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, khai thác tiềm năng, thế mạnh ở địa phương.
- Giải quyết việc làm cho lao động tại chỗ, tạo nguồn thu tương đối cho ngân sách.
- Góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các huyện, thị xã, thành phố theo hướng tăng tỉ trọng công nghiệp, dịch vụ,...

b) Thực trạng phát triển các cụm công nghiệp

– Phần lớn các doanh nghiệp đầu tư tại các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh là những doanh nghiệp vừa và nhỏ, có vốn đầu tư thấp, chủ yếu là vốn tự có.

– Các cụm công nghiệp phân bố rải rác ở nhiều khu vực trên địa bàn tỉnh, tận dụng thế mạnh về nguồn nguyên liệu và nguồn lao động tại các địa phương.

– Các ngành nghề sản xuất chính tại các cụm công nghiệp bao gồm: sản xuất dăm gỗ nguyên liệu giấy; chế biến gỗ; dệt may; sản xuất gạch ngói không nung, phân bón NPK, phân vi sinh; sản xuất tấm lợp fibrocement, đũa tre tiện dụng, bánh tráng, tinh dầu trầm hương, chế biến muối tinh và muối iốt; sản xuất thùng xốp;...



Hình 6.4. Cụm công nghiệp Bình Nguyên (huyện Bình Sơn)



Dựa vào nội dung mục 2, em hãy:

- Nêu vai trò của các cụm công nghiệp.
- Cho biết các ngành nghề chính thu hút đầu tư và phát triển ở các cụm công nghiệp.

3. Các cụm công nghiệp

Tính đến năm 2022, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi có 23 cụm công nghiệp đã được hình thành và đi vào hoạt động.

Bảng 1. Các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, năm 2022

TT	Cụm công nghiệp	Phân bố
1	La Hà	Huyện Tư Nghĩa
2	Bình Nguyên	Huyện Bình Sơn
3	Thạch Trụ	Huyện Mộ Đức
4	Quán Lát	Huyện Mộ Đức
5	Đồng Dinh	Huyện Nghĩa Hành
6	Thị trấn Ba Tơ	Huyện Ba Tơ
7	Sa Huỳnh	Thị xã Đức Phổ
8	Phổ Phong	Thị xã Đức Phổ
9	An Hải	Huyện Lý Sơn
10	Sơn Hạ	Huyện Sơn Hà
11	Bình Long	Huyện Bình Sơn
12	Long Mai	Huyện Minh Long
13	Thạch Bích	Huyện Trà Bồng
14	Tịnh Ấn Tây	Thành phố Quảng Ngãi
15	Tịnh Bắc	Huyện Sơn Tịnh
16	Ba Động	Huyện Ba Tơ
17	Thị trấn Mộ Đức	Huyện Mộ Đức
18	Hành Đức – Hành Minh	Huyện Nghĩa Hành
19	An Sơn – Đức Lân	Huyện Mộ Đức
20	Đồng Làng	Thị xã Đức Phổ
21	Trương Quang Trọng	Thành phố Quảng Ngãi
22	Phổ Hoà	Thị xã Đức Phổ
23	Trị trấn Trà Xuân	Huyện Trà Bồng

Em có biết?

Cụm công nghiệp là nơi sản xuất, thực hiện các dịch vụ cho sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, có ranh giới địa lí xác định, không có dân cư sinh sống, được đầu tư xây dựng nhằm thu hút, di dời các doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác vào đầu tư sản xuất kinh doanh.



LUYỆN TẬP

Dựa vào nội dung bài học, em hãy:

- Cho biết vai trò của các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp đối với sự phát triển kinh tế – xã hội tỉnh Quảng Ngãi.
- Nhận xét sự phân bố các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.



VẬN DỤNG

Tìm hiểu về tình hình sản xuất của một cụm công nghiệp ở tỉnh Quảng Ngãi (Gợi ý nội dung tìm hiểu: *tên cụm công nghiệp, phân bố, vai trò, các ngành nghề phát triển và thu hút đầu tư, sản phẩm nổi bật,...*).

Mục tiêu

Sau khi học xong chủ đề này, học sinh sẽ:

- Trình bày được thực trạng và nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở tỉnh Quảng Ngãi;
- Nêu được những ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường đến đời sống và sức khỏe người dân ở tỉnh Quảng Ngãi;
- Thực hiện được một số biện pháp hạn chế tình trạng ô nhiễm môi trường ở tỉnh Quảng Ngãi;
- Liên hệ được trách nhiệm của bản thân đối với vấn đề ô nhiễm môi trường.



MỞ ĐẦU

Môi trường có vai trò đặc biệt quan trọng đối với đời sống của con người. Môi trường bao gồm các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên⁽¹⁾. Ngày nay, cùng với sự phát triển kinh tế – xã hội ở tỉnh Quảng Ngãi kéo theo nhiều tác động tiêu cực đến môi trường, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người dân, làm biến đổi khí hậu và cạn kiệt các nguồn tài nguyên thiên nhiên.



Em hãy kể một số hiện tượng ô nhiễm môi trường ở nơi em đang sống.



KIẾN THỨC MỚI

Ô nhiễm môi trường là hiện tượng môi trường tự nhiên bị nhiễm bẩn, các đặc tính vật lí, hoá học, sinh học của môi trường bị thay đổi gây tổn hại tới đời sống con người và các sinh vật khác. Ô nhiễm môi trường chủ yếu do hoạt động của con người gây ra. Ngoài ra, ô nhiễm còn do một số hoạt động từ tự nhiên như: động đất, núi lửa, thiên tai lũ lụt,...

⁽¹⁾ Theo Luật Bảo vệ môi trường Việt Nam sửa đổi năm 2020 định nghĩa

1. Ô nhiễm môi trường đất

a) Thực trạng và nguyên nhân ô nhiễm môi trường đất

Theo chương trình Quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi từ năm 2016 đến năm 2020, chất lượng đất tại hầu hết các khu vực trên địa bàn tỉnh chưa bị ô nhiễm. Tuy nhiên, môi trường đất ngày càng biến đổi theo chiều hướng xấu, có nguy cơ dẫn đến ô nhiễm và suy thoái đất.

Nguy cơ ô nhiễm môi trường đất ở Quảng Ngãi chủ yếu do các nguyên nhân sau:

– *Do biến đổi tự nhiên*: Sự phân giải các hợp chất ở trong đất diễn ra tự nhiên sinh ra nhiều chất độc trong đất, sự xâm thực của triều cường làm cho đất bị nhiễm mặn hoặc do quá trình phèn hoá làm đất bị nhiễm phèn và thay đổi tính chất của đất.

– *Do các hoạt động của con người*: Các hoạt động xây dựng, sản xuất công nghiệp và khai thác khoáng sản gây ra những tác động xói mòn, phá huỷ cấu trúc đất. Các chất thải rắn, lỏng và khí từ hoạt động của các ngành sản xuất đều có tác động đến đất. Đặc biệt, các loại khí thải có thể kết tụ hoặc hình thành mưa axit rơi xuống làm ô nhiễm đất.

Trong hoạt động canh tác nông nghiệp, việc sử dụng nhiều phân bón vô cơ làm thay đổi tính chất của đất, phá huỷ kết cấu của keo đất làm đất xấu, chai cứng. Bên cạnh đó, việc lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật trong phòng trừ dịch hại và một lượng lớn vỏ bao, hoá chất thải bỏ sau khi sử dụng làm đồng ruộng bị ô nhiễm.

Ngoài ra, nguồn rác thải từ y tế và một lượng lớn rác thải từ quá trình sinh hoạt chưa được thu gom và xử lý triệt để cũng gây ảnh hưởng đến chất lượng đất.

b) Tác hại của ô nhiễm môi trường đất

Ô nhiễm môi trường đất làm đất suy kiệt dinh dưỡng, phá huỷ tính chất của đất, đất trở nên già cỗi, làm giảm độ phì nhiêu, làm giảm năng suất, chất lượng cây trồng, giảm diện tích đất canh tác. Ngoài ra, ô nhiễm môi trường đất còn gây hại đến sức khoẻ của con người cũng như của các loài động vật khác.

c) Một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường đất

Thực hiện công tác tuyên truyền và phổ biến cho người dân những kiến thức về bảo vệ môi trường nói chung và môi trường đất nói riêng.

Nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường như: “Hãy tử tế với Sa kỳ”, phân loại rác thải tại nhà của Hội phụ nữ xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi phát động; mô hình thu gom rác thải trên cánh đồng của nông dân các xã Đức Phong, Đức Hiệp, huyện Mộ Đức;...



Hình 7.1. Rác thải sinh hoạt bỏ không đúng nơi quy định

- Tăng cường công tác thu gom, xử lý chất thải phát sinh trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt.
- Giám sát, kiểm tra thường xuyên hoạt động xả thải của các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, các cơ sở, nhà máy sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.
- Đầu tư xây dựng các nhà máy xử lý chất thải rắn với công nghệ hiện đại, góp phần tái chế và xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường.



Hình 7.2. Phụ nữ Quảng Ngãi hưởng ứng mô hình “Ngôi nhà xanh tiết kiệm” thực hiện phân loại rác và giảm rác thải nhựa



Hình 7.3. Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa



1. Trình bày thực trạng ô nhiễm môi trường đất ở tỉnh Quảng Ngãi hiện nay.
2. Cho biết các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường đất và biện pháp hạn chế.
3. Em đã và sẽ làm gì để giảm rác thải nhựa và túi nilon.

2. Ô nhiễm môi trường nước

a) Thực trạng và nguyên nhân ô nhiễm môi trường nước

Chất lượng nước mặt tại khu vực thượng nguồn sông Trà Bồng, sông Trà Câu, Sông Vệ và sông Trà Khúc ở mức tương đối tốt; tại khu vực giữa và hạ nguồn bị tác động bởi các hoạt động sinh hoạt của các khu dân cư và tại các đô thị, các hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, nước thải sinh hoạt chưa được xử lý,... đã xả thải ra sông một lượng nước thải và chất thải làm cho hàm lượng các chất gây ô nhiễm môi trường nước gia tăng. Tại khu vực hạ nguồn các con sông này còn bị nhiễm mặn bởi sự xâm thực của thủy triều.

Đối với các suối, kênh hàm lượng các chất gây ô nhiễm ngày một gia tăng, đây là nơi tiếp nhận nước thải từ khu công nghiệp, các nhà máy chế biến nông sản, các hoạt động sinh hoạt tại khu dân cư sống dọc theo hai bên bờ kênh,...

Nguồn nước ngầm đang có chiều hướng suy giảm về trữ lượng với mực nước

xuống thấp, bị nhiễm mặn, mức độ ô nhiễm trong nước ngầm tại các giếng trên địa bàn tỉnh đang có chiều hướng gia tăng. Nguyên nhân chủ yếu là do người dân chưa có ý thức trong khai thác, sử dụng nước ngầm như thi công giếng khoan không đúng kĩ thuật; quá trình khai thác giếng khoan hư, hỏng không sử dụng nữa không được trám lấp theo quy định.



Hình 7.4. Nước xả thải trực tiếp ra môi trường

Chất lượng nước biển ven bờ vùng nuôi trồng thủy sản và các nơi khác (vùng cảng, bến tàu, bến cá) có dấu hiệu ô nhiễm chất dinh dưỡng, vi sinh và chất rắn lơ lửng do nước thải chưa qua xử lý từ các khu vực nuôi thủy sản xả thải trực tiếp ra môi trường.

(Theo Báo cáo quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020 và tầm nhìn đến 2030 của Sở Tài nguyên và môi trường).

b) Tác hại của ô nhiễm môi trường nước

Các chất độc tích lũy gây nhiều bệnh tật cho người nhiễm, trong đó đáng lo ngại nhất là sự tích lũy từ từ gây nên các chứng ngộ độc và ung thư, gây dị tật ở trẻ sơ sinh. Các vi sinh vật phát tán và sinh sôi trong nước làm lây lan nhiều mầm bệnh nguy hiểm như: tả, lỵ, thương hàn, viêm gan, sốt rét, giun sán,...

Ô nhiễm môi trường nước còn đe dọa nghiêm trọng đời sống của các thủy sinh vật và các loài chim, thú sống ở các vùng ngập nước.

Mùi hôi thối, nước bẩn còn gây ảnh hưởng đến mỹ quan, đời sống tinh thần, gây cảm giác khó chịu, làm thiệt hại đến hoạt động kinh tế, đặc biệt là nuôi trồng thủy hải sản, du lịch,...

c) Một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường nước

– Tuyên truyền, vận động người dân không xả rác thải, xác súc vật xuống lòng sông, kênh,...; đồng thời, kiểm tra, xử lý các nhà máy, xí nghiệp xả nước thải chưa qua xử lý,... gây ô nhiễm.

– Xây dựng hệ thống tiếp nhận, quản lý dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục để giám sát, quản lý các dự án có phát sinh nguồn nước thải lớn.

– Triển khai dự án nghiên cứu ứng dụng công nghệ quản lý ổn định môi trường nước.

– Trong công nghiệp, các nhà máy, xí nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải tại nguồn. Phát triển các công nghệ sản xuất sạch, tiết kiệm nước và các biện pháp kĩ thuật xử lý ô nhiễm nước hiệu quả.

– Trong nông nghiệp, cần chú ý sử dụng các loại nông dược, phân bón đúng cách, đúng liều lượng; xử lí, chôn lấp các chai, lọ thuốc trừ sâu theo quy định. Xử lí chất thải chăn nuôi,... nhằm giảm thiểu gây ô nhiễm nguồn nước.

– Trong sinh hoạt, chú ý sử dụng nước sạch một cách tiết kiệm, không lạm dụng các chất tẩy rửa, xây dựng các nhà xí hợp vệ sinh. Ở các đô thị cần có hệ thống thu gom và xử lí nước thải sinh hoạt tập trung trước khi thải ra môi trường.



Điền vào bảng bên dưới nội dung về thực trạng và biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường nước:

Loại nước	Thực trạng	Biện pháp hạn chế
Nước mặt (sông, suối, kênh, mương, ...)		
Nước ngầm		
Nước biển		

3. Ô nhiễm môi trường không khí

a) Thực trạng và nguyên nhân ô nhiễm môi trường không khí

Theo kết quả phân tích không khí tại các vị trí quan trắc, khu vực đặc trưng, trọng điểm trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 – 2020, hầu hết các thông số ô nhiễm đều nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn, chỉ có độ ồn và bụi lơ lửng tổng số (TSP) là vượt quy chuẩn cho phép tại một số vị trí, tập trung chủ yếu ở các điểm nút giao thông, các điểm gần trục đường giao thông Quốc lộ 1A và khu công nghiệp.

Các nguồn chính gây ô nhiễm môi trường không khí bao gồm: hoạt động giao thông, hoạt động công nghiệp, hoạt động sản xuất nông nghiệp và làng nghề thủ công, hoạt động du lịch, hoạt động xây dựng và dân sinh.



Hình 7.5. Khí thải từ các nhà máy sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

Ngoài ra còn do một số nguyên nhân tự nhiên như cháy rừng, gió bão, phấn hoa, bào tử nấm,... đã đưa vào không khí các dạng bụi và một số khí độc.

b) Tác hại của ô nhiễm môi trường không khí

– Môi trường không khí bị ô nhiễm bởi các chất độc hại như: CO, SO₂, NO₂, bụi,... gây ra những tác động tiêu cực đến sức khoẻ con người như: gây các bệnh về da (khô da, viêm da, tấy đỏ, ngứa,...), bệnh về đường hô hấp (viêm mũi, viêm họng, viêm phế quản,...), bệnh về mắt (mắt bị sưng đỏ, viêm giác mạc,...) hoặc gây rối loạn các chức năng thần kinh.

– Ô nhiễm không khí gây ảnh hưởng đến sự sinh trưởng và phát triển của động, thực vật.

– Ngoài ra, ô nhiễm không khí gây biến đổi khí hậu, phá huỷ tầng ozon, gây ra hiện tượng “Hiệu ứng nhà kính”, làm cho nhiệt độ tăng giảm bất thường, gây hạn hán, lũ lụt, ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

c) Một số biện pháp hạn chế ô nhiễm môi trường không khí

Để giữ bầu không khí trong lành, cần nỗ lực thực hiện một số biện pháp như:

- Trồng và bảo vệ cây xanh;
- Không đốt rơm rạ, không sử dụng bếp than tổ ong;
- Sử dụng nguồn năng lượng sạch (điện mặt trời, điện gió,...);
- Khuyến khích sử dụng các phương tiện thân thiện với môi trường;
- Di chuyển các cơ sở sản xuất công nghiệp, các làng nghề ra ngoài thành phố và xa khu dân cư.

(Nguồn: Báo cáo hiện trạng môi trường 05 năm tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 – 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi).



1. Kể tên một số hoạt động gây ô nhiễm môi trường không khí ở tỉnh Quảng Ngãi.
2. Nêu một số biện pháp em có thể sử dụng để bảo vệ bản thân trước ảnh hưởng của ô nhiễm không khí?



LUYỆN TẬP

1. Hoàn thành bảng sau theo mẫu:

Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường ở tỉnh Quảng Ngãi	Môi trường bị ô nhiễm	Ảnh hưởng đến sức khỏe và đời sống người dân	Biện pháp làm giảm thiểu ô nhiễm môi trường
Cát, bụi từ các xe chở vật liệu xây dựng không che chắn	Không khí	Bệnh về đường hô hấp,...	Dùng bạt che thùng xe chở vật liệu xây dựng
Chai lọ chứa thuốc bảo vệ thực vật bị vứt bừa bãi ở các đồng ruộng	?	?	?
Một số nhà máy chế biến nông sản xả thải trực tiếp nước thải ra sông ngòi	?	?	?
?	?	?	?
?	?	?	?

2. Em và người thân trong gia đình đã thực hiện những việc làm nào để bảo vệ môi trường xung quanh khu vực em sinh sống?



- Em hãy đề xuất trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ môi trường tại địa phương nơi em sinh sống.
- Lập kế hoạch tổ chức một số hoạt động tuyên truyền bảo vệ môi trường theo gợi ý sau:

TT	Tên hoạt động tuyên truyền	Thời gian thực hiện	Địa điểm tổ chức	Đối tượng tham gia	Các hoạt động chính

BAN BIÊN SOẠN
TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI
CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ

(Kèm theo Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 07/02/2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Họ và tên	Nhiệm vụ	STT	Họ và tên	Nhiệm vụ
1	Nguyễn Ngọc Thái	Trưởng ban	13	Nguyễn Thị Trâm Châu	Thành viên
2	Vũ Thị Liên Hương	Phó Trưởng ban	14	Lê Thị Nhật Thảo	Thành viên
3	Hà Tấn Thọ	Thành viên	15	Huỳnh Tấn Phiển	Thành viên
4	Phan Đình Độ	Thành viên	16	Trần Thị Phúc Nguyên	Thành viên
5	Bùi Thị Hạnh	Thành viên	17	Nguyễn Thị Minh Thư	Thành viên
6	Huỳnh Thị Thu Thủy	Thành viên	18	Hà Như Thu	Thành viên
7	Võ Thị Thuý Nga	Thành viên	19	Nguyễn Đình Phúc	Thành viên
8	Lê Hoàng Nguyên	Thành viên	20	Nguyễn Minh Văn	Thành viên
9	Trương Thị Thu Hường	Thành viên	21	Huỳnh Nguyên Huy	Thành viên
10	Bùi Văn Vàng	Thành viên	22	Nguyễn Thanh Sơn	Thành viên
11	Huỳnh Trung Sơn	Thành viên	23	Ngô Thị Phương Thảo	Thành viên
12	Nguyễn Thị Mỹ Thuận	Thành viên	24	Nguyễn Văn Tươi	Thành viên

DANH MỤC HÌNH ẢNH SỬ DỤNG TRONG TÀI LIỆU

Hình	Nguồn
H1.1	Nguyễn Ngọc Trinh
H1.2 – H1.9; H2.1 – H2.11; H3.1 – H3.11; H4.1 – H4.13; H5.1 – H 5.2; H5.5; H6.1; H6.3 – H6.4; H7.1 – H7.5	Lê Minh Thế
H1.11 – H1.12	Nguyễn Đăng Lâm
H6.2	Phạm Ngọc Đường
H5.3 – H5.4; H6.5; H4.14	Ban biên soạn
Ảnh bìa	Nguyễn Tấn Phát

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG TỈNH QUẢNG NGÃI LỚP 8

